

TUẦN 1:**THƯƠNG NGƯỜI NHƯ THỂ THƯƠNG THÂN****TẬP ĐỌC**

“Dế Mèn bênh vực kẻ yếu” (Theo Tô Hoài)

“Mẹ ốm” (Trần Đăng Khoa)

CHÍNH TẢ

Nghe – viết

Phân biệt l/n, an/ang

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Cấu tạo của tiếng

I. Kiến thức**1. Khái niệm**

Tiếng là đơn vị phát âm tự nhiên nhỏ nhất, dùng để cấu tạo từ.

Ví dụ:

“Nòi / tre / đầu / chịu / mọc / cong /

Chưa / lên / đã / nhọn / như / chông / lạ / thường /.”

(Trích “Tre Việt Nam” – Nguyễn Duy)

2. Cấu tạo tiếng

Mỗi tiếng thường gồm ba bộ phận: âm đầu, vần và thanh.

– **Âm đầu:** m, n, ch, ph, ngh,...– **Vần:** cấu tạo đầy đủ gồm ba phần.✓ **Âm đệm:** o và u.✓ **Âm chính:** a, ă, â, o, ô, ơ, ia, iê, yê, ươ, ưa,...✓ **Âm cuối:** m, n, p, t, nh, ch,...– **Thanh:** Tiếng Việt có 6 thanh được thể hiện bằng 5 dấu:

Thanh bằng	huyền		ngang	
Thanh trắc	sắc	hỏi	ngã	nặng

Sơ đồ cấu tạo của tiếng:

Âm đầu	Vần			Thanh
	Âm đệm	Âm chính	Âm cuối	

Ví dụ:

Tiếng	Âm đầu	Vần			Thanh
		Âm đệm	Âm chính	Âm cuối	
thuyền	th	u	Yê	n	huyền
biển	b		lê	n	hỏi
lá	l		a		sắc

Chú ý:

- ✓ Tiếng phải có phần vần và thanh.
- ✓ Trong phần vần phải có âm chính.

II. Bài tập**Bài 1.** Tìm năm từ chứa tiếng có:

- a. vần "ăm": _____
- b. vần "uông": _____
- c. âm đầu "th": _____
- d. âm đầu "kh": _____

Bài 2. Tìm năm từ:

- a. chỉ bộ phận trên khuôn mặt người, bắt đầu bằng "m": _____

- b. chỉ đồ dùng trong nhà, bắt đầu bằng "ch": _____

- c. chỉ hoạt động, trạng thái, bắt đầu bằng "h": _____

Bài 3. Điền các tiếng chứa âm chính "ư", "ơ", "ô", "iê" để hoàn chỉnh những thành ngữ, tục ngữ sau:

- a. "Mau sao thì nắng, vắng sao thì _____." b. "Lên thác _____ ghềnh."
- c. "Một nắng hai _____." d. "_____ người như thể _____ thân."
- e. "Cày sâu _____ bẫm." f. "Thắng không _____, bại không nản."

Bài 4. Cho câu ca dao:

"Anh em nào phải người xa
Cùng chung bác mẹ, một nhà cùng thân."

a. Phân tích cấu tạo của từng tiếng trong câu ca dao trên vào bảng:

Tiếng	Âm đầu	Vần	Thanh
anh			
em			
nào			
phải			
người			
xa			
cùng			
chung			
bác			
mẹ			
một			
nhà			
thân			

b. Trong các tiếng trên, tiếng nào có cấu tạo không có đủ ba bộ phận?

Bài 5. Tìm các cặp tiếng bắt vần với nhau trong những đoạn thơ sau:

a. “Bảo bùng thân bọc lấy thân

Tay ôm, tay nủ tre gần nhau thêm.”

(Trích “Tre Việt Nam” – Nguyễn Duy)

b. “Đồng làng vương chút heo may

Mầm cây tỉnh giấc, vườn đầy tiếng chim

Hạt mưa mãi miết trốn tìm

Cây đào trước cửa lim dim mắt cười.”

(Trích “Tháng giêng của bé” – Đỗ Quang Huỳnh)

- c. “Mình về mình có nhớ ta
Ta về ta nhớ những hoa cùng người
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.”

(Trích “Việt Bắc” – Tố Hữu)

TẬP LÀM VĂN

Văn kể chuyện

I. Kiến thức

1. Khái niệm

Kể chuyện là kể lại chuỗi sự việc có mở đầu, diễn biến và kết thúc, liên quan đến một hay một số nhân vật. Mỗi câu chuyện đều mang những ý nghĩa, bài học nhất định.

2. Nhân vật trong truyện

Nhân vật trong truyện có thể là người hoặc con vật, đồ vật, cây cối,...

Ví dụ: Câu chuyện “Cuộc chạy đua trong rừng” có các nhân vật là loài vật được nhân hóa (Ngựa Con, Ngựa Cha, Thỏ Xám, Thỏ Trắng).

II. Bài tập

Bài 1. Trong hai bài văn sau, có một bài kể chuyện. Em cho biết đó là bài nào và giải thích vì sao?

1. Bài văn thứ nhất

“Ba tôi trồng một cây xoài. Giống xoài quả to, ngọt và thơm lừng. Mùa xoài nào cũng vậy, ba đều đem biếu chú Tư nhà bên vài ba chục quả.

Bỗng một năm gió bão làm bật mấy chiếc rễ. Thế là cây xoài nghiêng hẳn một nửa sang vườn nhà chú Tư. Rồi đến mùa quả chín, tôi trèo lên cây để hái. Sơn (con chú Tư) cũng đem cây có móc ra vịn cành xuống hái. Tất nhiên, tôi ở trên cây nên hái được nhiều hơn. Hái xong, ba tôi vẫn đem biếu chú Tư vài chục quả. Lần này thì chú không nhận. Đợi lúc ba tôi đi vắng, chú Tư ra đốn phần cây xoài ngã sang vườn chú.

4. Qua câu chuyện, em rút ra được bài học gì?

Bài 2. Viết lại tên người, tên địa lí sau cho đúng quy tắc:

Đa núp: _____ cầu giấy: _____

Hi Ma Lay A: _____ chợ cầu diễn: _____

Bài 3. Đọc đoạn thơ sau:

“Những ngôi sao thức ngoài kia

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con

Đêm nay con ngủ giấc tròn

Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.”

(Trích “Mẹ” – Trần Quốc Minh)

a. Xác định các danh từ, động từ trong đoạn thơ trên.

b. Nêu cảm nhận của em về hình ảnh người mẹ trong đoạn thơ trên.

PHIẾU CUỐI TUẦN 10

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

“Một cành nho mảnh mai lớn lên nhờ những dòng nước khoáng tinh khiết từ lòng đất. Nó thật trẻ trung, khỏe mạnh và đầy sức sống. Nó cảm thấy rất tự tin, tất cả chỉ dựa vào chính bản thân nó.

Nhưng một ngày kia, bão lốc tràn về, cành nho bé nhỏ đã bị dập ngã. Nó rũ xuống, yếu ớt và đau đớn. Bỗng nó nghe thấy tiếng gọi của một cành nho khác: “Hãy lại đây và nắm lấy tay tôi”.

Cành nho do dự trước đề nghị ấy. Từ trước đến giờ, cành nho bé nhỏ đã quen tự mình giải quyết mọi khó khăn một mình. Nhưng lần này nó đã thật đuối sức...

Nó ngược nhìn cành nho kia với vẻ e dè và hoài nghi. “Bạn đừng sợ, bạn chỉ cần quấn những sợi tua của bạn vào tôi là tôi có thể giúp bạn đứng thẳng dậy trong mưa bão” – Cành nho kia nói. Và cành nho bé nhỏ đã làm theo.

Gió vẫn dữ dội, mưa tầm tã và tuyết lạnh buốt ập về. Nhưng cành nho bé nhỏ không còn đơn độc, lẻ loi nữa mà nó đã cùng chịu đựng với những cành nho khác...

Có những khó khăn chúng ta có thể vượt qua được bằng chính sức lực của mình. Nhưng có những thử thách lớn mà chúng ta chỉ có thể vượt qua nhờ tình yêu thương, đồng lòng gắn bó và chia sẻ với nhau như những cành nho nhỏ bé kia.”

(“Câu chuyện về một cành nho” – Sưu tầm)

1. Cành nho nhỏ bé trước đây là một cành nho như thế nào?

- a. luôn tự ti và hoài nghi trước tất cả mọi việc
- b. luôn tự mình giải quyết tất cả mọi việc
- c. luôn cần người khác giúp đỡ

2. Vì sao lúc đầu cành nho bé nhỏ do dự trước lời đề nghị của cành nho kia?

- a. Vì nó nghĩ mình có thể đủ sức vượt qua bão lốc.
- b. Vì nó không đủ sức để bám vào bạn.
- c. Vì nó không quen nhờ người khác giải quyết khó khăn.

3. Vì sao cuối cùng cành nho bé nhỏ chấp nhận lời đề nghị của bạn?

- a. Vì nó đã mệt mỏi và đuối sức.
- b. Vì nó yên tâm với sự giúp đỡ của bạn.
- c. Cả hai ý a và b.

Các cành thi nhau đổ xuống. Từng chiếc lá xoài rơi lả tả, nhựa cây ứa ra. Ba tôi về thấy vậy chỉ thờ dài mà không nói gì.

Mùa xoài lại đến. Lần này ba tôi cũng đem biếu chú Tư vài chục quả. Tôi liền phản đối. Ba chỉ nhỏ nhẹ khuyên tôi:

– Chú Tư sống dở, mình phải sống hay như thế mới tốt, con ạ!

Tôi tức lắm nhưng đành phải vâng lời. Lần này chú chỉ nhận mấy quả thôi. Nhưng từ đó cây xoài cành lá lại xum xuê. Đến mùa cây lại trĩu quả và Sơn cũng chẳng còn ra tranh hái với tôi nữa.

Đơn giản thế nhưng ba tôi đã dạy cho tôi cách sống tốt ở đời.”

(“Cây xoài” – Theo Mai Duy Quý)

2. Bài văn thứ hai

“Trong vườn nhà em trồng rất nhiều loài cây ăn quả. Nào là cây nhãn, cây bưởi, cây vải,... nhưng em thích nhất là cây xoài được bố em trồng từ lâu lắm rồi. Cây rất to và cao, tán lá rộng tỏa ra che kín cả một góc vườn. Rễ cây cắm sâu xuống đất, hút chất dinh dưỡng từ đất để nuôi cây. Thân cây có màu nâu sần sùi. Cành lá xum xuê, tỏa ra to như một chiếc ô khổng lồ. Lá xoài cứng, xanh thẫm, thon dài, xanh tốt quanh năm. Nổi lên trên bề mặt lá là những đường gân như những khúc xương cá. Hoa xoài có màu trắng ngà, nhỏ li ti, mọc thành từng chùm, nở vào cuối mùa đông. Ban đầu, những quả xoài mọc ra, nhỏ bằng cái nắm tay trẻ con. Rồi ngày tháng qua đi, những quả xoài lớn dần, trông vui mắt như đàn gà mẹ đông con. Cây xoài lúc nào cũng cho quả sai trĩu cành, những quả xoài vàng ươm, to tròn, tỏa hương thơm ngọt dịu trong không gian. Quả xoài ăn rất ngon. Trải qua bao nhiêu năm, đến bây giờ cây xoài vẫn xanh tốt và luôn cho quả đều đặn mỗi dịp. Em rất yêu mến cây xoài nhà em. Cây xoài đã lưu giữ bao kỉ niệm đẹp của tuổi thơ em.”

Bài 2. Trên đường đi học về, em gặp một bà cụ đang muốn sang đường nhưng xe cộ đi lại rất nhiều. Em đã giúp bà cụ sang đường. Kể lại câu chuyện đó cho các bạn nghe.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal blue or grey ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

Bài 4. Gạch dưới danh từ trong đoạn văn sau và xếp chúng vào nhóm thích hợp:

“Tiếng đàn bay ra vườn. Vài cánh ngọc lan êm ái rụng xuống nền đất mát rượi. Dưới đường, lũ trẻ đang rủ nhau thả những chiếc thuyền gấp bằng giấy trên những vũng nước mưa. Ngoài Hồ Tây, dân chài đang tung lưới bắt cá. Hoa mười giờ nở đỏ quanh các lối đi ven hồ. Bóng mấy con chim bồ câu lướt nhanh trên những mái nhà cao thấp.”

(Theo Lưu Quang Vũ)

– Danh từ chỉ sự vật: _____

– Danh từ chỉ đơn vị: _____

Bài 5. Gạch một gạch dưới danh từ, hai gạch dưới động từ trong đoạn văn sau:

“Ông xanh đảo quanh một lượt, thăm dò, rồi nhanh nhẹn xông vào cửa tổ dùng răng và chân bới đất. Những hạt đất vụn do đế đùn lên bị hất ra ngoài. Ông ngoạm, rút, lôi ra một túm lá tươi. Thế là cửa đã mở.”

(Sưu tầm)

Bài 6. Viết một bức thư cho bạn hoặc người thân kể về việc tốt em đã làm.

[illegible]

TUẦN 10: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Bài 1. Gạch dưới từ ngữ không cùng nhóm với các từ còn lại:

- xe cộ, ti vi, quần áo, sách vở;
- nỗi buồn, niềm vui, sung sướng, cái đẹp;
- yêu thương, chăm sóc, nhớ nhung, hồi hộp;
- chiều dài, trong veo, trắng xóa, đỏ rực.

Bài 2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

- Từ nào trong các từ sau viết đúng quy tắc viết hoa?
 - "Tômát Ê-đi-xơn";
 - "Lui Paxtơ";
 - "Lép Tôn-xtôi";
 - "An-be Anhxtanh".
- Câu "Em ốm yếu, kiếm bữa cũng chẳng đủ." có mấy tiếng chỉ có vần và thanh?
 - 2 tiếng;
 - 3 tiếng;
 - 4 tiếng;
 - 5 tiếng.
- Chọn dấu câu thích hợp điền vào ô trống trong câu:

"Đắc-uyên ôn tồn đáp □ "Bác học không có nghĩa là ngừng học."

- dấu hai chấm;
 - dấu chấm;
 - dấu chấm than;
 - dấu phẩy.
- Bộ phận trả lời câu hỏi "Như thế nào?" trong câu "Ở chặng đua đầu tiên, Ngựa Con chạy rất nhanh." là:
 - "chạy rất nhanh";
 - "chạy";
 - "nhanh";
 - "rất nhanh".
 - Thành ngữ, tục ngữ nào sau đây không nói về lòng nhân hậu?
 - "Thương người như thể thương thân";
 - "Máu chảy ruột mềm";
 - "Cầu được ước thấy";
 - "Nhường cơm sẻ áo".
 - Câu "Hết mùa hoa, chim chóc cũng vãn." có mấy tiếng, mấy từ?
 - 7 tiếng, 7 từ;
 - 5 tiếng, 5 từ;
 - 5 tiếng, 7 từ;
 - 7 tiếng, 5 từ.

Bài 3. Tại sao trong các từ "Cầu Giấy", "Tháp Rùa" và "Hồ Gươm", các tiếng "Cầu", "Tháp", "Hồ" vốn là danh từ chung lại được viết hoa?

PHIẾU CUỐI TUẦN 01

Bài 1. Đọc văn bản sau rồi khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

"Một hôm, Vịt Con và Gà Con đang chơi trốn tìm trong rừng, bỗng nhiên có một con cáo xuất hiện. Nhìn thấy Cáo, Vịt Con sợ quá khóc ầm lên. Gà Con thấy thế vội bỏ mặc Vịt Con, bay lên cành cây để trốn. Chú giả vờ không nghe, không thấy Vịt Con đang hoảng hốt kêu cứu.

Cáo đã đến rất gần, Vịt Con sợ quá, quên mất bên cạnh mình có một hồ nước, chú vội vàng nằm giả vờ chết. Cáo vốn không thích ăn thịt chết, nó lại gần Vịt Con, ngửi vài cái rồi bỏ đi.

Gà Con đậu trên cây thấy Cáo bỏ đi, liền nhảy xuống. Ai dè "tùm" một tiếng, Gà Con rơi thẳng xuống nước, cậu chơi với kêu:

– Cứu tôi với, tôi không biết bơi!

Vịt Con nghe tiếng kêu, không ngần ngại lao xuống cứu Gà Con lên bờ. Rũ bộ lông ướt sũng, Gà Con xấu hổ nói:

– Cậu hãy tha lỗi cho tớ, nhất định tớ sẽ không bao giờ bỏ rơi cậu nữa."

("Bài học của Gà Con" – Theo "Những câu chuyện về tình bạn")

- Khi thấy Vịt Con kêu khóc, Gà Con đã làm gì?
 - Gà Con sợ quá khóc ầm lên.
 - Gà Con vội vàng nằm giả vờ chết.
 - Gà Con bay lên cành cây để trốn, giả vờ không nghe, không thấy Vịt Con kêu.
- Trong lúc nguy hiểm, Vịt Con đã làm gì để thoát thân?
 - Vịt Con hoảng hốt kêu cứu.
 - Vịt Con vội vàng nằm giả vờ chết.
 - Vịt Con nhảy xuống hồ nước ngay bên cạnh.
- Khi bị rơi xuống nước, nhờ đâu mà Gà Con thoát nạn?
 - Cáo nhảy xuống cứu Gà.
 - Gà Con bơi rất giỏi.
 - Vịt Con không ngần ngại lao xuống cứu Gà Con.
- Theo em, câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?

Bài 2. Điền vào chỗ trống:a. **l** hoặc **n**:

hoa ____ ươm trời ____ ửng ____ úng túng
 ____ ả lướt quả ____ a ____ óng ____ ực

b. **an** hoặc **ang** (thêm dấu thanh nếu cần):

khoai l ____ ____ tâm xứng đ ____
 h ____ hán chứa ch ____ b ____ luận

Bài 3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Trong tiếng, bộ phận nào có thể vắng mặt?

- a. thanh b. vần c. âm đầu

2. Dấu thanh thường được đặt ở đâu?

- a. Dấu thanh được đánh dấu ở phía trên hoặc phía dưới âm đầu.
 b. Dấu thanh được đánh dấu ở phía trên âm chính của vần.
 c. Dấu thanh được đánh dấu ở phía trên hoặc phía dưới âm chính của vần.

3. Tiếng nào sau đây có đủ ba bộ phận?

- a. "mai" b. "an" c. "yến"

4. Phần vần của tiếng "uyển" là gì?

- a. "ên" b. "yên" c. "uyên"

5. Tiếng "oang" có những bộ phận nào?

- a. âm đầu "o", vần "ang", thanh ngang
 b. không có âm đầu, vần "oang", không có thanh
 c. không có âm đầu, vần "oang", thanh ngang

Bài 4. Dựa vào bức tranh thứ 2 mô phỏng phần 2 của câu chuyện "Sự tích hồ Ba Bể" (Sách giáo khoa Tiếng Việt 4 – tập 1, trang 8), em hãy kể lại đoạn truyện này. Qua đó, em có nhận xét gì về hai nhân vật mẹ con người nông dân?

4. Cậu bé nhà nghèo trong câu chuyện sau này chính là ai?

- a. Thủ tướng nước Anh: Winston Churchill.
 b. Nhà quý tộc giàu có.
 c. Bác sĩ lừng danh, ân nhân của cả nhân loại: Alexander Fleming.

5. Qua đoạn trích, em thấy cậu bé nhà nghèo là người như thế nào?

Bài 2. Gạch dưới các động từ trong đoạn văn sau:

"Đó là một buổi chiều mùa hạ có mây trắng xô đẩy nhau trên cao. Nền trời xanh vời vời. Con chim sơn ca cất tiếng hót tự do, tha thiết đến nỗi khiến người ta phải ao ước giá mà mình có một đôi cánh. Trải khắp cánh đồng là nắng chiều vàng dịu và thơm hơi đất, là gió đưa thoang thoảng hương lúa ngậm đòng và hương sen."

("Chiều trên quê hương" – Đỗ Chu)

Bài 3. Xác định các danh từ, động từ trong những thành ngữ, tục ngữ sau:Ví dụ: "Gà trống nuôi con."

DT ĐT DT

- a. "Nước chảy bèo trôi"; b. "Nước đổ lá khoai";
 c. "Ăn cây nào rào cây ấy". d. "Lên thác xuống ghềnh."

Bài 4. Dựa vào đoạn trích "Ai cũng có ước mơ" ở bài 1, kể lại đoạn 2 của câu chuyện bằng lời văn của em. Trong đó, những lời đối thoại chuyển thành lời kể và lời dẫn gián tiếp.

PHIẾU CUỐI TUẦN 09

Bài 1. Đọc đoạn trích sau rồi khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

“Một ngày nọ, một gia đình quý tộc đưa con về miền quê nghỉ mát. Trong khi nô đùa, cậu con trai nhỏ của họ sa chân ngã xuống vực nước sâu. Tất cả tưởng chừng như vô vọng. Thế rồi, từ xa, một chú bé nhem nhuốc, con của một nông dân nghèo trong vùng đã chạy đến tiếp cứu.

Nhà quý tộc hết sức biết ơn cậu bé nhà nghèo. Thay vì chỉ nói lời cảm ơn và kèm theo một ít tiền hậu tạ, ông ân cần hỏi cậu bé: “Khi lớn lên, cháu muốn làm gì?”. “Thưa ông, chắc cháu sẽ tiếp tục nghề làm ruộng của cha cháu” – Cậu bé nhỏ nhẹ thưa. Nhà quý tộc lại gặng hỏi. Cậu bé im lặng cúi đầu một lúc rồi mới trả lời: “Dạ thưa bác, nhà cháu nghèo thế này thì cháu còn biết ước mơ điều gì nữa đây?”. Lại tiếp tục một câu hỏi chân tình: “Nhưng bác muốn biết, nếu cháu được phép mơ ước thì cháu sẽ ước mơ điều gì?”. Và lần này cũng lại là một câu trả lời thật thà: “Thưa bác, cháu muốn được đi học, cháu muốn trở thành một bác sĩ!”.

Sau này, cậu bé ngày xưa được cứu sống đã trở thành một vĩ nhân, đó chính là Thủ tướng Winston Churchill. Còn cậu bé quê nhà nghèo đã trở thành một bác sĩ lừng danh thế giới, ông là ân nhân của cả nhân loại khi tìm ra thuốc kháng sinh Penicillin, tên ông là Alexander Fleming.”

(“Ai cũng có ước mơ” – Sư tử tằm)

- Vì sao ban đầu cậu bé nhà nghèo lại ước mơ tiếp tục nghề làm ruộng của cha?
 - Vì cậu bé cho rằng nhà mình nghèo nên không có khả năng thực hiện những ước mơ khác ngoài làm ruộng và đó là tục lệ của quê hương cậu.
 - Vì cậu không có ước mơ nào khác.
 - Vì ước mơ đó dễ dàng thực hiện.
- Ước mơ thực sự của cậu bé nhà nghèo là gì?
 - trở thành người nổi tiếng
 - được đi học và trở thành bác sĩ
 - được trả ơn hậu hĩnh
- Theo em, những điều gì đã khiến cậu bé nhà nghèo dám ước mơ và đạt được ước mơ cao đẹp của mình?
 - Vì cậu muốn trở nên giàu có.
 - Lời gặng hỏi ân cần của nhà quý tộc đã đánh thức ước mơ bấy lâu của cậu bé.
 - Sự nỗ lực hết mình để vượt qua hoàn cảnh khó khăn và quyết tâm thực hiện ước mơ.

TUẦN 2:

THƯƠNG NGƯỜI NHƯ THỂ THƯƠNG THÂN

TẬP ĐỌC

“Dế Mèn bênh vực kẻ yếu” (Theo Tô Hoài)

“Truyện cổ nước mình” (Theo Lâm Thị Mỹ Dạ)

CHÍNH TẢ

Nghe – viết

Phân biệt s/x, ăn/ăng

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Mở rộng vốn từ “Nhân hậu – Đoàn kết”

Dấu hai chấm

Dấu hai chấm

Tác dụng:

- Báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời nói của một nhân vật (kết hợp với dấu gạch ngang hoặc dấu ngoặc kép);
- Báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời giải thích cho bộ phận đứng trước;
- Báo hiệu bộ phận liệt kê.

Bài 1. Gạch dưới từ không cùng nhóm với các từ còn lại:

- nhân vật, nhân hậu, nhân ái, nhân từ;
- nhân dân, nhân loại, nhân đức, nhân gian;
- nhân sự, nhân lực, nhân quả, nhân công.

Bài 2. Tìm năm từ:

- chứa tiếng “hiền”: _____
- chứa tiếng “ác”: _____

Bài 3. Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu tục ngữ, ca dao sau:

- Chị ngã em _____.
- Một con ngựa đau cả tàu bỏ _____.
- Chia ngọt _____ bùi.
- Anh em như thể chân tay
Rách lành _____ bọc, dở hay đỡ đần.

Bài 4. Điền dấu câu thích hợp vào ngoặc đơn và viết hoa đầu câu:

a. “Người ăn xin vẫn đợi tôi () tay vẫn chìa ra () run lấy bầy.

Tôi chẳng biết làm cách nào () tôi nắm chặt lấy bàn tay run rẩy kia ()

– Ông đừng giận cháu, cháu không có gì để cho ông cả ()”

(Trích “Người ăn xin” – Tước-ghe-nhep)

b. “Dưới tấm cánh chú bươm bươm là lũy tre xanh rì rào trong gió () là bờ ao với những khóm khoai nước rung rinh () rồi những cảnh tuyệt đẹp của đất nước hiện ra () cánh đồng với những đàn trâu thung thắng gặm cỏ; dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi () còn trên tầng cao là đàn cò đang bay () là trời xanh trong và cao vút ()”

(Trích “Con chuồn chuồn nước” – Nguyễn Thế Hội)

Bài 5. Nêu tác dụng của dấu hai chấm trong mỗi câu văn sau:

a. “Trên xe chống chất đủ thứ: nào vải, nào quần áo, nào chậu thau, nồi, xoong nhôm, bát men và bó hàng bọc giấy xám.”

b. “Giữa lúc ấy, một người hét lên thật to: “Cố lên anh em ơi!”.”

c. “Một người ở vùng núi Tân Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi.”

d. “Hơn bốn mươi năm khổ công nghiên cứu, tìm tòi, Xi-ôn-cốp-xki đã thực hiện được điều ông hằng tâm niệm: “Các vì sao không phải để tôn thờ mà để chinh phục”.”

Bài 6. Đặt câu có dấu hai chấm dùng để:

a. Báo hiệu bộ phận liệt kê;

b. Báo hiệu bộ phận đứng sau là lời giải thích cho bộ phận đứng trước.

Bài 7. Đọc đoạn thơ dưới đây và nêu cảm nhận của em về hình ảnh con sông Vàm Cỏ:

“Đây con sông như dòng sữa mẹ

Nước về xanh ruộng lúa, vườn cây

Và ấm áp như lòng người mẹ

Chờ tình thương trang trải đêm ngày.”

(Trích “Vàm Cỏ Đông” – Hoài Vũ)

TẬP LÀM VĂN

Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia

Luyện tập phát triển câu chuyện

Luyện tập trao đổi ý kiến với người thân

Dựa vào nội dung trích đoạn kịch “Ở vương quốc Tương Lai”, kể lại đoạn truyện khi hai bạn Tin-tin và Mi-tin cùng nhau đi thăm công xưởng xanh.

Gợi ý: Chuyển lời đối thoại trong kịch thành lời kể và lời dẫn gián tiếp, chỉ giữ lại những lời đối thoại quan trọng.

Bài 2. Chọn từ thích hợp trong các từ sau để điền vào chỗ trống:

“mơ ước”, “mơ mộng”, “mơ màng”, “ước”

- _____ gì có đôi cánh để bay ngay về nhà.
- Tuổi trẻ hay _____.
- Nam _____ trở thành phi công vũ trụ.
- Vừa chợp mắt, Lan bỗng _____ nghe tiếng hát.

Bài 3. Đặt câu với mỗi từ sau: “mơ ước”, “giấc mơ”, “ao ước”.

Bài 4. Tìm ba động từ:

a. chỉ hoạt động của mắt:

b. chỉ hoạt động của chân:

c. chỉ tâm trạng, cảm xúc của con người:

Bài 5. Khoanh vào chữ cái đứng trước các câu có từ được gạch dưới là động từ.

- “Tôi để cuốn sách ở trên bàn.”
- “Ông bố dắt con đến gặp thầy giáo để xin học.”
- “Bà trải chiếu, xếp lại gối cho Thanh nằm nghỉ.”
- “Nắng đã chiếu sáng lòn của biển.”
- “Ngôi nhà tựa vào nền trời sẫm biếc.”
- “Tàu dừa tựa chiếc lược chải vào mái tóc của mây trời.”

Bài 6. Xếp các động từ sau vào hai nhóm:

“yêu thương”, “nói năng”, “thì thầm”, “bắn khoăn”,
“trò chuyện”, “hỏi hỏi”, “phấn khởi”

– Động từ chỉ hoạt động:

– Động từ chỉ trạng thái:

TẬP LÀM VĂN Kể chuyện đã nghe, đã đọc

Văn kể chuyện

I. Kiến thức

1. Kể lại hành động của nhân vật

Khi kể chuyện, cần chú ý:

- Chọn kể những hành động tiêu biểu của nhân vật.
 - Thông thường, hành động xảy ra trước thì kể trước, hành động xảy ra sau thì kể sau.
- Ví dụ: Câu chuyện “Bà văn bị điểm không” (TV4 tập 1, tr.20 – 21) kể về một cậu bé đã bị điểm không bài văn “Tả bố em đang đọc báo”. Các hành động của cậu bé lần lượt được kể theo trình tự: giờ làm bài – giờ trả bài – giờ tan học:
- + Giờ làm bài, cậu bé không tả, không viết gì hết, nộp giấy trắng cho cô.
 - + Khi trả bài, cô giáo rất giận, cô hỏi lí do, cậu bé không trả lời. Sau đó cậu bé nói: “Thưa cô, con không có ba.”
 - + Lúc ra về, khi bạn bè hỏi: “Sao mày không tả ba của đứa khác?” thì cậu bé vẫn không nói gì, hai giọt nước mắt chảy dài xuống má.

2. Tả ngoại hình của nhân vật

- Việc tả ngoại hình của nhân vật (đặc biệt là các nhân vật chính) là một yêu cầu cần thiết trong bài văn kể chuyện.
- Những chi tiết, đặc điểm ngoại hình tiêu biểu có thể góp phần nói lên tính cách nhân vật và làm cho câu chuyện thêm sinh động, hấp dẫn.

Ví dụ: Đoạn văn miêu tả ngoại hình ông lão ăn xin trong truyện “Người ăn xin”:

- + Đôi mắt: “đỏ đỏ và giàn giụa nước mắt”
- + Đôi môi: “tái nhợt”
- + Bàn tay: “sưng húp, bẩn thỉu”
- + Quần áo: “tả tơi”

Các chi tiết miêu tả trên cho ta thấy hình ảnh một con người vô cùng tội nghiệp, từ đó gợi lên trong lòng người đọc sự cảm thông và thương xót.

II. Bài tập**Bài 1.** Đọc văn bản sau:

“Một đàn ếch đi ngang qua một khu rừng và hai con ếch bị rơi xuống một cái hố. Khi thấy cái hố quá sâu, những con ếch còn lại bèn nói với hai con ếch kia rằng chúng sẽ phải chết.

Hai con ếch mặc kệ những lời bình luận và cố hết sức nhảy ra khỏi cái hố. Đàn ếch nhao nhao bảo chúng đừng nhảy vô ích, hãy chấp nhận cái chết không thể tránh khỏi.

Cuối cùng, một con ếch nghe theo lời của đàn ếch. Nó gục xuống chết vì kiệt sức và tuyệt vọng. Con ếch còn lại vẫn dồn hết sức lực cuối cùng tiếp tục nhảy lên. Đàn ếch trên bờ lại ầm ĩ la lên bảo nó hãy nằm yên chờ chết. Con ếch nọ lại càng nhảy mạnh hơn nữa. Và thật kì diệu, cuối cùng nó cũng thoát ra khỏi cái hố sâu ấy.

Đàn ếch xúm lại: “Không nghe chúng tôi nói gì à?”

Chúng cứ hỏi mãi trong sự ngạc nhiên, lúng túng của con ếch nọ.

Cuối cùng sự thật cũng được một con ếch già hé lộ rằng: con ếch vừa thoát khỏi cái hố kia bị điếc và nó cứ nghĩ là những con ếch khác hò reo đang cổ vũ cho nó, và chính điều đó đã làm nên một sức mạnh kì diệu giúp cho nó tìm được sự sống mong manh trong cái chết.”

(Theo “Quà tặng cuộc sống”)

a. Văn bản trên có phải là bài văn kể chuyện không? Vì sao? Các nhân vật trong văn bản thuộc loại con người hay đồ vật, con vật được nhân hóa?

b. Ghi lại những hành động của con ếch thoát ra khỏi cái hố. Em có suy nghĩ gì về nhân vật này? Qua đó, em rút ra được bài học gì?

TUẦN 9: TRÊN ĐÔI CÁNH ƯỚC MƠ**TẬP ĐỌC**

“Thư chuyện với mẹ” (Theo Nam Cao)

“Điều ước của vua Mi-đát” (Theo Thần thoại Hi Lạp)

CHÍNH TẢ

Nghe – viết

Phân biệt l/n, uôn/uông

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Mở rộng vốn từ “Ước mơ”

Động từ

I. Kiến thức**1. Khái niệm**

Động từ là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.

Ví dụ: “chơi”, “múa”, “buồn”, “vui”,...

2. Phân loại

Động từ gồm: động từ chỉ hoạt động và động từ chỉ trạng thái.

a. Động từ chỉ hoạt động

– Động từ chỉ hoạt động là những từ chỉ hành động, cử chỉ,... của sự vật.

– Động từ chỉ hoạt động trả lời cho câu hỏi “Làm gì?”.

Ví dụ: “đi”, “đọc”, “giúp đỡ”,...

b. Động từ chỉ trạng thái

– Động từ chỉ trạng thái là những từ chỉ cảm xúc, sự tồn tại của sự vật trong không gian, thời gian nhất định.

– Động từ chỉ trạng thái trả lời cho câu hỏi “Thế nào?”.

Ví dụ: “thao thức”, “bồn chồn”, “lo lắng”,...

II. Bài tập

Bài 1. Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa của từ “mơ ước”?

- Nghĩ đến những điều xa xôi, không có trong thực tế.
- Nghĩ đến những gì mà mình chưa có.
- Mong muốn những điều tốt đẹp.
- Mong muốn những điều có lợi cho bản thân.

4. Câu chuyện được kể theo trình tự nào?

5. Nêu những sự việc tạo thành cốt truyện.

6. Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?

Bài 2. Gạch dưới những tên riêng viết sai và sửa lại:

"Hoàng lê minh Ngọc", "hồ Gươm", "tháp Rùa", "vịnh Hạ Long", "Hồ Núi Cốc",

"bà Trưng", "Béc-Lin", "Ai cập", "Hà Lan", "Cô-pen-ha-ghen", "men-bơ"

Bài 3. Đặt dấu ngoặc kép vào chỗ thích hợp và nêu tác dụng của dấu câu đó trong các câu sau:

a. Thỏ nhìn theo, mỉm cười. Nó nghĩ: Chả việc gì mà vội, rùa gần tới đích, mình phóng cũng thừa sức thắng cuộc.

b. Cô giáo hỏi: Sao trò không làm bài?

c. Chỉ vì mình mãi chơi bóng, mua thuốc về chậm mà ông chết. – An-đây-ca òa khóc và kể hết mọi chuyện cho mẹ nghe.

Bài 2. Đọc câu chuyện sau:

"Thỏ và Sóc là đôi bạn thân thiết. Một ngày nắng đẹp, đôi bạn rủ nhau vào rừng hái quả. Mùa thu, khu rừng thơm phức hương quả chín. Bỗng Thỏ reo lên sung sướng:

– Ôi, chùm quả vàng mọng kìa, ngon quá!

Thấy chùm quả vắt vẻo cao tít, Sóc vội vàng ngăn Thỏ:

– Cậu đừng lấy, nguy hiểm lắm!

Nhưng Thỏ đã men ra. Nó cố với. Trượt chân. Thỏ ngã nhào. Sóc nhanh nhẹn túm được áo Thỏ. Sức nặng của Thỏ kéo Sóc ngã theo. Rất may, tay Sóc kịp với được cành cây nhỏ nên cả hai chỉ bị treo lơ lửng trên không chứ không bị rơi xuống khe núi đầy đá nhọn. Cành cây cong gập hẳn lại. Chích Chòe hốt hoảng kêu lên:

– Cành cây sắp gãy rồi kìa!

Sóc vẫn cố giữ chặt áo Thỏ. Tiếng răng rắc trên cành cây càng nghe to hơn. Chích Chòe cuống quýt bảo Sóc:

– Cậu buông Thỏ ra, nếu không cành cây gãy cậu sẽ bị rơi xuống đá.

– Tớ không bỏ Thỏ được, Thỏ là bạn tớ. – Sóc trả lời.

Mỗi lúc cành cây lại đu đưa, lắc lư mạnh thêm.

– Cậu bỏ tớ ra đi, cậu sẽ bị rơi theo đấy! – Thỏ nói với Sóc rồi òa khóc.

– Tớ không bỏ cậu đâu! – Sóc cương quyết.

Chích Chòe vội vã bay đi kêu cứu khắp khu rừng. Bác Voi cao lớn đang làm việc gần đấy, nghe tiếng kêu cứu hộc tốc chạy tới. Bác rướn mình đưa chiếc vòi dài của bác ra đỡ cả Thỏ và Sóc xuống an toàn. Nghe Chích Chòe kể lại sự việc, bác Voi âu yếm khen Thỏ và Sóc:

– Các cháu có một tình bạn thật đẹp!

Hôm ấy đúng là một ngày đáng nhớ nhất của đôi bạn thân thiết."

("Thỏ và Sóc" – Sư tử tằm)

a. Điền tiếp vào chỗ trống để có những câu văn tóm tắt hành động của các nhân vật trong câu chuyện trên.

– Thỏ và Sóc _____

– Mặc dù Sóc _____, Thỏ vẫn _____

– Sóc _____ và _____

– Chích Chòe, Voi _____

b. Bằng lời của Thỏ, kể lại một sự việc trong câu chuyện trên. Đoạn văn có kết hợp miêu tả ngoại hình nhân vật.

PHIẾU CUỐI TUẦN 08

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

“Ngày xưa, có hai đứa trẻ đều mang trong mình nhiều ước vọng rất đẹp đẽ. “Làm sao có thể thực hiện được ước vọng?”. Tranh luận hoài, hai đứa trẻ mang câu hỏi đến gặp cụ già, mong tìm những lời chỉ bảo. Cụ già cho mỗi đứa trẻ một nắm hạt giống và bảo: “Đây chỉ là những hạt giống bình thường, nhưng ai có thể bảo quản nó tốt thì người đó có thể tìm ra con đường thực hiện ước vọng!”

Nói xong, cụ già quay đi. Sau đó mấy năm, cụ già hỏi hai đứa trẻ về tình trạng bảo quản hạt giống. Đứa trẻ thứ nhất mang ra một chiếc hộp được quấn bằng dây lụa, nói: “Cháu đặt hạt giống đó trong chiếc hộp, suốt ngày giữ nó.”

Nói rồi, nó lấy hạt giống ra cho cụ già xem, thấy rõ hạt giống nguyên vẹn như trước. Đứa trẻ thứ hai mặt mũi sạm nắng, hai bàn tay nổi chai. Nó chỉ ra cánh đồng mênh mông lúa vàng, phấn khởi nói: “Cháu gieo hạt giống xuống đất, mỗi ngày lo tưới nước, chăm sóc, bón phân, diệt cỏ. Cứ thế... tới nay nó đã kết hạt mới đầy đồng.”

Cụ già nghe xong mừng rỡ nói: “Các cháu, ước vọng cũng như hạt giống đó, chỉ biết khư khư giữ lấy nó thì chẳng có thể lớn lên được. Chỉ khi dùng mồ hôi, sức lực, tưới tắm vun trồng cho nó thì mới có thể biến thành hoa trái, mùa màng bội thu thôi.”

(“Ước vọng và hạt giống” – Sư tử tâm)

1. Khi hai đứa trẻ mang câu hỏi đến gặp cụ già, chúng nhận được điều gì?
 - a. Cụ già cho mỗi đứa trẻ một hạt giống thần kì để biến ước vọng thành sự thật.
 - b. Cụ già dạy cho chúng cách tìm ra con đường thực hiện ước vọng.
 - c. Cụ già cho mỗi đứa trẻ một nắm hạt giống và nói rằng ai bảo quản tốt sẽ tìm được con đường thực hiện ước vọng.
2. Ai trong hai đứa trẻ đã bảo quản hạt giống nguyên vẹn như ban đầu?
 - a. đứa trẻ thứ nhất
 - b. đứa trẻ thứ hai
 - c. cả hai đứa trẻ
3. Theo em, đâu là cách bảo quản hạt giống tốt nhất?
 - a. cất kĩ trong hộp
 - b. gieo xuống đất và bỏ mặc nó
 - c. gieo trồng và chăm sóc nó mỗi ngày

This image shows a single sheet of white paper with horizontal blue or grey ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There is no handwriting or other markings on the paper.

Bài 1. Đọc đoạn trích sau rồi khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Nhưng đến lượt tôi thì bưu điện đóng cửa. Khi đó, tôi cảm thấy thật sự rất bức mình và hối hận vì đã nhường chỗ của mình cho người khác. Chợt người phụ nữ quay sang tôi nói: "Tôi cảm thấy rất ngại! Chỉ vì nhường chỗ cho tôi mà cô lại gặp khó khăn như vậy. Cô biết không, nếu hôm nay tôi không gửi phiếu thanh toán tiền ga, thì công ty điện và gas sẽ cắt hết nguồn sưởi ấm của gia đình tôi".

("Sự sẻ chia bình dị" – Ngọc Khánh)

a. Họ rất buồn. b. Họ rất nghèo. c. Họ mệt mỏi và nhếch nhác.

a. Vì thấy mình chưa vội lắm.

b. Vì người phụ nữ trình bày lí do và xin được nhường chỗ.

c. Vì hoàn cảnh mẹ con người phụ nữ thật đáng thương.

3. Sau khi nhường chỗ, vì sao nhân vật tôi lại cảm thấy bức mình và hối hận?

a. Vì mẹ con họ không cảm ơn mình.

b. Vì mãi không đến lượt mình.

c. Vì đến lượt nhân vật tôi thì bưu điện đóng cửa.

4. Điều gì khiến nhân vật tôi rời khỏi bưu điện với niềm vui trong lòng?

a. Vì biết rằng việc làm của mình đã giúp cho một gia đình tránh được một đêm đông giá rét.

b. Vì đã mua được tem thư.

c. Vì không phải quay lại bưu điện vào ngày hôm sau.

5. Nêu suy nghĩ của em qua câu chuyện trên.

Bài 2. Điền dấu hai chấm vào chỗ thích hợp trong những câu sau và cho biết tác dụng của chúng trong mỗi trường hợp:

a. Một ý nghĩ vụt đến, Ma-ri-ô hét to “Giu-li-ét-ta, xuống đi! Bạn còn bố mẹ...”.

b. Ngựa Con rút ra được bài học quý giá đừng bao giờ chủ quan, cho dù đó là việc nhỏ nhất.

Bài 3. Cho câu ca dao:

“Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.”

a. Nêu cách hiểu của em về nội dung, ý nghĩa câu ca dao trên.

b. Tìm hai thành ngữ, tục ngữ hoặc ca dao có nội dung tương tự.

Bài 4. Trong đoạn trích “Dế Mèn bênh vực kẻ yếu”, Dế Mèn đã có những hành động gì với bọn nhện để khiến chúng thay đổi thái độ và hành động? Qua đó, em có suy nghĩ gì về nhân vật này?

Bài 8. Đọc đoạn thơ sau:

“Nếu chúng mình có phép lạ
Hóa trái bom thành trái ngon
Trong ruột không còn thuốc nổ
Chỉ toàn kẹo với bi tròn.

Nếu chúng mình có phép lạ
Nếu chúng mình có phép lạ.”

(Trích “Nếu chúng mình có phép lạ” – Định Hải)

a. Các bạn nhỏ mong muốn điều gì? Đó là những mong muốn như thế nào?

b. Việc lặp lại câu thơ “Nếu chúng mình có phép lạ” nhằm thể hiện điều gì?

TẬP LÀM VĂN

Kể chuyện đã nghe đã đọc

Luyện tập phát triển câu chuyện

Bài 1. Đọc đoạn trích sau:

“Hồi còn nhỏ, cậu bé Trần Quốc Khái rất ham học. Cậu học cả khi đi đốn củi, lúc kéo vó tôm. Tối đến, nhà không có đèn, cậu bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng, lấy ánh sáng đọc sách. Chẳng bao lâu, Khái đỗ tiến sĩ, rồi làm quan to trong triều đình nhà Lê.”

(Trích “Ông tổ nghề thêu” – Theo Ngọc Vũ)

a. Các sự việc trong đoạn truyện trên được sắp xếp theo trình tự nào?

b. Tìm các từ ngữ thể hiện trình tự đó.

Bài 4. Gạch dưới những từ viết sai rồi sửa lại:

"Crit-xtốp cô-lôm-bô", "Ê-vơ-rét", "Ita-lia", "Ấn Độ", "A-Mê-Ri-Gô Ve-Xpu-Xi", "Loren",
"A-mê-ri-ca", "Hi-ma-Lay-a"

Bài 5. Viết lại các tên riêng nước ngoài sau theo đúng quy tắc:

a. lép tôn-xtôi

b. Đionidốt

c. Iuri gagarin

d. Tôn trung sơn

Bài 6. Đặt dấu ngoặc kép vào chỗ thích hợp:

a. Nhưng rủi ro lại làm nảy ra trong đầu óc non nớt của ông lúc bấy giờ một câu hỏi:
Vì sao quả bóng không có cánh mà vẫn bay được?

b. Lúc tôi mặc áo đến trường, cô giáo và các bạn thường gọi tôi là chú bộ đội.

c. Nơi dòng Bến Hải gặp sóng biển khơi ấy chính là Cửa Tùng. Bãi cát ở đây từng
được ngợi ca là Bà Chúa của các bãi tắm.

Bài 7. Nêu tác dụng của dấu ngoặc kép trong các câu sau:

a. Sáng nay, mẹ dậy sớm, mẹ gọi em gái tôi: "Lan ơi, dậy đi học kẻo muộn, con!"
Nghe tiếng mẹ gọi, em tôi choàng tỉnh.

b. Bố đã có lần nói với tôi: "Ngày xưa, bố và mẹ con vất vả lắm. Cuộc sống của bố mẹ
chỉ nhờ vào hai bàn tay lao động. Con nay còn bé nhưng đã sung sướng hơn cha mẹ
ngày xưa nhiều lắm. Con nên tập lao động cho quen".

c. Nhìn từ xa, cầu Long Biên như một dải lụa uốn lượn vắt ngang sông Hồng nhưng
thực ra "dải lụa" ấy nặng tới 17 nghìn tấn.

d. Thánh Giăng-đi có một phương châm: "Chinh phục được mọi người ai cũng cho là
khó, nhưng tạo được tình thương, lòng nhân đạo, sự thông cảm giữa con người với
con người lại càng khó hơn".

TUẦN 3:

THƯƠNG NGƯỜI NHƯ THỂ THƯƠNG THÂN

TẬP ĐỌC

"Thư thăm bạn"

"Người ăn xin" (Theo Tuốc-ghe-nhép)

CHÍNH TẢ

Nghe – viết

Phân biệt tr/ch, dấu hỏi và dấu ngã

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Từ đơn và từ phức

Mở rộng vốn từ "Nhân hậu – Đoàn kết"

I. Kiến thức

1. Từ

– Từ là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất có nghĩa, dùng để đặt câu.

Ví dụ: "mưa", "gió", "rào rào", "giòn giã",...

– Từ được cấu tạo bởi các tiếng.

– Từ có thể do một hay nhiều tiếng tạo thành.

+ Từ chỉ gồm một tiếng: từ đơn

+ Từ gồm hai hay nhiều tiếng: từ phức

Ví dụ: "Biển / nổi / sóng / cuộn cuộn /."

Câu trên có 4 từ: 3 từ đơn ("biển", "nổi", "sóng") và 1 từ phức ("cuộn cuộn").

2. Từ đơn

– Từ đơn là từ chỉ gồm một tiếng.

Ví dụ: "bố", "mẹ", "sách", "vở", "bút", "xanh", "đỏ", "chạy", "học", "ăn", "ngủ",...

– Trường hợp đặc biệt: từ đơn có cấu tạo gồm nhiều tiếng (từ đơn đa âm). Các từ đơn
đa âm chủ yếu là từ vay mượn ngôn ngữ nước ngoài: "cà phê", "xi măng", "tì vi",
"a-pa-tít", "a-xít", "mô tô",...

3. Từ phức

– Từ phức là từ gồm hai hay nhiều tiếng.

Ví dụ: "xinh đẹp", "xanh xanh", "sát sàn sạt", "khấp kha khấp khểnh",...

– Từ phức chia thành hai loại: từ ghép và từ láy.

II. Bài tập**Bài 1.** Cho câu: “Một người ăn xin già lồm khồm đứng ngay trước mặt tôi.”

a. Chỉ ra các từ đơn, từ phức trong câu trên;

b. Đặt câu với một từ đơn và một từ phức vừa tìm được.

Bài 2. Dùng dấu gạch chéo (/) tách các từ đơn, từ phức có trong đoạn thơ sau:

“Cô dạy em tập viết	Những lời cô giáo giảng
Gió đưa thoảng hương nhài	Ấm trang vở thơm tho
Nắng ghé vào cửa lớp	Yêu thương em ngắm mãi
Xem chúng em học bài.	Những điểm mười cô cho.”

(“Cô giáo lớp em” – Nguyễn Xuân Sanh)

Bài 3. Cho các từ: “kết thúc”, “đoàn kết”, “kết nghĩa”, “kết giao”, “kết cục”, “kết hợp”, “kết quả”, “kết tội”. Xếp các từ đã cho thành hai nhóm:

a. Từ chứa tiếng “kết” có nghĩa là “gắn bó với nhau”:

b. Từ chứa tiếng “kết” có nghĩa là “khép lại”:

Bài 4. Nối từ ở cột A với nghĩa thích hợp ở cột B:

A	B
1. đoàn kết	a. kết lại với nhau từ nhiều thành phần, bộ phận riêng rẽ
2. liên kết	b. hợp thành phe cánh để thực hiện âm mưu xấu xa
3. cấu kết	c. kết thành một khối thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung

TUẦN 8: TRÊN ĐÔI CÁNH ƯỚC MƠ**TẬP ĐỌC**

“Nếu chúng mình có phép lạ” (Định Hải)

“Đôi giày ba ta màu xanh” (Theo Hàng Chức Nguyên)

CHÍNH TẢ

Nghe – viết

Phân biệt r/d/gi, iên/yên/iêng

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Cách viết tên người, tên địa lí nước ngoài

Dấu ngoặc kép

I. Kiến thức**1. Cách viết hoa tên riêng nước ngoài**

a. Viết tên riêng nước ngoài phiên âm qua âm Hán Việt

Viết theo quy tắc viết hoa tên riêng Việt Nam.

Ví dụ: “Bồ Đào Nha”, “Tôn Trung Sơn”,...

b. Viết tên riêng nước ngoài phiên âm trực tiếp (theo cách đọc)

Viết hoa chữ cái đầu mỗi bộ phận tạo thành tên riêng, giữa các tiếng có dấu gạch nối.

Ví dụ: “Mát-xcơ-va”, “Phờ-ri-ê-rích Ăng-ghe-nhê”, “Oa-sinh-tơn”,...

2. Dấu ngoặc kép (“ ”)

Tác dụng:

– Thường dùng để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc của người nào đó (thường kết hợp với dấu hai chấm);

– Đánh dấu những từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt.

II. Bài tập**Bài 1.** Khoanh vào chữ cái đứng trước tên riêng viết đúng chính tả:

- | | |
|---------------------|---------------------|
| a. “Anbe anhxtanh”; | b. “Xi-ôn-cốp-xki”; |
| c. “Lu-l Pa-xơ”; | d. “Buratinô”. |

Bài 2. Khoanh vào chữ cái trước nhóm có các từ viết đúng chính tả:

- | | |
|-------------------------------------|--|
| a. “Đức”, “Nhật Bản”, “Bồ Đào Nha”; | b. “Nga”, “pháp”, “Tây Ban Nha”; |
| b. “Đức”, “nhật Bản”, “Trung quốc”; | d. “Mát-xcơ-va”, “I-Ta-li-a”, “An-giê-ri”. |

Bài 3. Tên riêng “Mô-rít-xơ Mát-téc-lích” gồm có:

- | | |
|------------------------|------------------------|
| a. 1 bộ phận, 6 tiếng; | b. 2 bộ phận, 2 tiếng; |
| c. 2 bộ phận, 6 tiếng; | d. 2 bộ phận, 4 tiếng. |

3. Còn ở Thiên thần Ước Mơ, bạn nhỏ cầu xin điều gì?

a. Những ước mơ nhỏ bé, giản dị và hồn nhiên của mọi trẻ thơ đều thành hiện thực.

b. Những em nhỏ được sống yên bình, được học hành vui chơi.

c. Hãy gõ chiếc đũa thần vào trái tim người lớn.

4. Tất cả những điều bạn nhỏ cầu xin các Thiên thần đều nhằm mục đích gì?

Bài 2. Gạch dưới các tên riêng viết sai trong bài ca dao sau và sửa lại:

“Rủ nhau xem cảnh kiếm hồ,
Xem cầu thê húc, xem chùa ngọc sơn
Đài nghiên, tháp bút chưa mòn,
Hỏi ai gây dựng nên non nước này?”

Bài 3. Viết đoạn văn từ 7 đến 9 câu kể về ước mơ của em.

Bài 5. Tìm các từ có tiếng “liên” và tiếng “hợp” thuộc chủ đề “đoàn kết”:

Bài 6. Thêm tiếng thích hợp với tiếng đã cho để tạo thành từ:

a. “trèo”: _____

b. “ngào”: _____

c. “lầm”: _____

Bài 7. Đọc các câu văn sau rồi thực hiện yêu cầu:

“Hết mùa hoa, chim chóc cũng vãn. Cây gạo chấm dứt những ngày tưng bừng ồn ã, lại trở về với dáng vẻ xanh mát, trầm tư.”

(Trích “Cây gạo” – Vũ Tú Nam)

a. Tiếng không có đủ ba bộ phận là: _____

b. Dùng dấu gạch chéo (/) tách từng từ trong các câu văn trên rồi điền vào bảng:

Từ đơn	Từ phức
_____	_____
_____	_____
_____	_____

Bài 8. Nêu cách hiểu của em về các thành ngữ dưới đây. Đặt câu với mỗi thành ngữ đó.

a. “Đồng sức đồng lòng”;

b. “Trên dưới một lòng”.

TẬP LÀM VĂN

Kể chuyện đã nghe, đã đọc

Kể lại lời nói, ý nghĩ của nhân vật

Viết thư

I. Kiến thức

– Có hai cách kể lại lời nói và ý nghĩ của nhân vật:

+ Kể nguyên văn (dùng lời dẫn trực tiếp): Lời dẫn trực tiếp thường có dấu hai chấm, xuống dòng và gạch đầu dòng trước câu nói để báo hiệu hoặc sử dụng dấu hai chấm và ngoặc kép để trích phần lời nói của nhân vật.

Ví dụ 1: “Tô Hiến Thành tâu:

– Nếu Thái hậu hỏi người hầu hạ giỏi thì thần xin cử Vũ Tán Đường, còn hỏi người tài ba giúp nước, thần xin cử Trần Trung Tá.”

(Trích “Một người chính trực”)

Ví dụ 2:

“Cô hỏi: “Sao trò không chịu làm bài?”

Mãi sau nó mới bảo: “Thưa cô, con không có ba”.”

(Trích “Bài văn bị điểm không”)

+ Kể bằng lời của người kể chuyện (dùng lời dẫn gián tiếp):

Ví dụ: “Bằng giọng nói nhẹ nhàng, mẹ bảo sẽ không phạt chúng tôi nữa.”

– Kể lại lời nói, suy nghĩ của nhân vật để giúp người đọc, người nghe hiểu được tính cách của nhân vật và ý nghĩa của câu chuyện.

Ví dụ: Trong câu chuyện “Người ăn xin” có câu ghi lại lời nói trực tiếp của nhân vật tôi: “Ông đừng giận cháu, cháu không có gì để cho ông cả.” Có câu ghi lại những suy nghĩ của nhân vật tôi: “Chao ôi! Cảnh nghèo đói đã gặm nát con người đau khổ kia thành xấu xí biết nhường nào!”, “Cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được chút gì của ông lão.”

Từ những lời nói và suy nghĩ của nhân vật, ta nhận thấy một tấm lòng nhân hậu, biết cảm thông và chia sẻ với những cảnh đời bất hạnh.

II. Bài tập**Bài 1.** Đọc câu chuyện sau:

“Một lần, vua Minh Mạng từ kinh đô Huế ngự giá ra Thăng Long (Hà Nội). Vua cho xa giá đến Hồ Tây ngắm cảnh. Xa giá đi đến đâu, quân lính cũng thét đuổi tất cả mọi người, không cho ai đến gần.

PHIẾU CUỐI TUẦN 07

Bài 1. Đọc bức thư sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

“Thưa các Thiên thần!

Đêm nay, ở nơi đây, con đã thấy các Thiên thần ở trên cao kia, nơi sáng nhất trên bầu trời. Con đã thấy các Thiên thần đùa vui nơi thiên đường xanh thắm không mây may lo buồn vướng bận nơi trần thế.

Nhưng thưa các Thiên thần, cũng ngay đêm nay thôi, nơi trần gian này, các Thiên thần có nhìn thấy không, những số phận, những mảnh đời còn nặng trĩu đau buồn. Con xin các Thiên thần hãy một lần xuống đây và đến bên những con người bất hạnh ấy, những bạn bè cùng trang lứa với con và những em bé thơ ngây của con.

Con xin Thiên thần Hòa Bình hãy ru yên giấc ngủ chiến tranh, để bao bạn bè, em nhỏ, nơi cách xa con được sống yên bình như con, được học hành vui chơi không phải ngày ngày lo sợ tiếng bom, tiếng đạn.

Con xin Thiên thần Tình Thương hãy gỡ chiếc đũa thần của Người vào trái tim người lớn để họ hiểu trẻ thơ và thêm lòng yêu thương con trẻ, để không còn những người bạn như con phải lao động vất vả cực nhọc hay cầm súng ra chiến trận, hay bị hắt hủi, ghẻ lạnh trong những gia đình không hạnh phúc.

Con xin Thiên thần Tình Yêu hãy hàn gắn tình yêu của các ông bố, bà mẹ để những em bé của con được sống dưới mái ấm gia đình hạnh phúc, không còn cảnh lang thang nay đây mai đó, đêm đêm màn trời chiếu đất, đói rét và biết bao hiểm nguy rình rập.

Và cuối cùng con xin Thiên thần Ước Mơ hãy tặng cho mỗi em bé trên trái đất này một ngôi sao xanh trong chiếc giỏ đựng vô vàn những ngôi sao của Người, để những ước mơ nhỏ bé, giản dị và hồn nhiên của mọi trẻ thơ đều thành hiện thực.

Cảm ơn những làn gió tốt bụng đã mang giúp lá thư này đến cho các Thiên thần.

Kí tên

Ngô Thị Hoài Thu”

(“Thư gửi các Thiên thần” – Ngô Thị Hoài Thu)

1. Bạn nhỏ đã gửi bức thư tới những Thiên thần nào?

a. Hòa Bình, Tình Thương, Ước Mơ

b. Hòa Bình, Tình Yêu, Ước Mơ

c. Hòa Bình, Tình Thương, Tình Yêu, Ước Mơ

2. Trong thư, bạn nhỏ đã xin Thiên thần Hòa Bình điều gì?

a. hàn gắn tình yêu của những ông bố bà mẹ

b. hiểu trẻ thơ và thêm lòng yêu con trẻ

c. ru yên giấc ngủ chiến tranh

TẬP LÀM VĂN Luyện tập xây dựng đoạn văn kể chuyện

Luyện tập phát triển câu chuyện

Bài 1. Truyện “Sự tích dưa hấu” gồm những sự việc chính sau:

- (1) Mai An Tiêm thu hoạch dưa đỏ.
- (2) Chàng trồng cây lạ.
- (3) Mai An Tiêm bị đày ra đảo hoang.
- (4) Mai An Tiêm trở về đất liền và được vua trọng dụng.
- (5) Chàng gửi dưa về đất liền.

Sắp xếp các sự việc trên theo trình tự hợp lí.

Bài 2. Một lần, đang đi trên đường, em gặp một em bé đang khóc. Viết đoạn văn từ 7 đến 9 câu kể lại câu chuyện trên.

Cao Bá Quát, khi ấy còn là một cậu bé, muốn nhìn rõ mặt vua. Cậu nảy ra một ý, liền cởi hết quần áo, nhảy xuống hồ tắm. Quân lính nhìn thấy, hốt hoảng xúm vào bắt trói đứa trẻ táo tợn. Cậu bé không chịu, la hét, vùng vẫy, gây nên cảnh náo động ở hồ. Thấy thế, vua Minh Mạng truyền lệnh dẫn cậu tới hỏi.

Cậu bé bị dẫn đến trước mặt nhà vua. Cậu tự xưng là học trò mới ở quê ra chơi nên không biết gì. Thấy nói là học trò, vua ra lệnh cho cậu phải đối được một vế đối thì mới tha. Nhìn thấy trên mặt hồ lúc đó có đàn cá đang đuổi nhau, vua tức cảnh đọc vế đối như sau:

Nước trong leo lẻo cá đớp cá.

Chẳng cần nghĩ ngợi lâu la gì, Cao Bá Quát lấy cảnh mình đang bị trói, đối lại luôn:

Trời nắng chang chang, người trói người.

Vế đối vừa cứng cỏi vừa rất chỉnh... Vua nguôi giận, truyền lệnh cởi trói, tha cho cậu bé.”

(“Đối đáp với vua” – Quốc Chấn)

a. Cao Bá Quát có mong muốn gì? Mong muốn đó cho thấy cậu là người như thế nào?

b. Kể lại các hành động của Cao Bá Quát theo trình tự thời gian: khi thấy xa giá, khi bị quân lính bắt trói, khi bị dẫn đến trước mặt nhà vua.

c. Hai câu được gạch dưới trong văn bản trên là lời dẫn trực tiếp hay lời dẫn gián tiếp?

d. Việc Cao Bá Quát đối lại nhà vua một cách nhanh chóng bằng một vế đối vừa cứng cỏi vừa rất chỉnh cho thấy điều gì ở nhân vật này?

Bài 2. Đọc câu chuyện sau:

“Mặt trời đã lặn dần về chân núi phía tây. Đàn sếu đang rải cánh trên cao. Sau một cuộc dạo chơi, đám trẻ ra về. Tiếng nói cười ríu rít.

Bỗng các em dừng lại khi thấy một cụ già đang ngồi ở vệ cỏ ven đường. Trông cụ thật mệt mỏi, cặp mắt lộ rõ vẻ u sầu.

– Chuyện gì xảy ra với ông cụ thế nhỉ? – Một em trai hỏi.

Đám trẻ tiếp lời, bàn tán sôi nổi:

– Chắc là cụ bị ốm?

– Hay cụ đánh mất cái gì?

– Chúng mình thử hỏi xem đi!

Các em tới chỗ ông cụ, lễ phép hỏi:

– Thưa cụ, chúng cháu có thể giúp gì cụ không ạ?

Cụ già thở nặng nhọc, nhưng đôi mắt ánh lên những tia ấm áp:

– Cảm ơn các cháu. Nhưng các cháu không giúp ông được đâu.

Cụ nghẹn ngào nói tiếp:

– Ông đang rất buồn. Bà lão nhà ông nằm bệnh viện mấy tháng nay rồi. Bà ốm nặng lắm, khó mà qua khỏi. Ông ngồi đây chờ xe buýt để đến bệnh viện. Ông cảm ơn lòng tốt của các cháu. Dẫu các cháu không giúp gì được, nhưng ông cũng thấy nhẹ lòng hơn.

Đám trẻ lặng đi. Các em nhìn cụ già đầy thương cảm.

Một lát sau, xe buýt đến. Giúp ông cụ lên xe rồi, các em còn đứng nhìn theo mãi mới ra về.”

(“Các em nhỏ và cụ già” – Theo Xu-khôm-lin-xki)

a. Gạch dưới những chi tiết miêu tả ngoại hình của ông lão. Những chi tiết ấy nói lên điều gì về nhân vật?

b. Kể lại những hành động của các em nhỏ. Qua đó, em thấy được những phẩm chất nào đáng quý?

c. Các câu văn được gạch dưới trong câu chuyện trên là lời của ai? Đó là lời dẫn trực tiếp hay gián tiếp?

c. “Sông nào nổi sóng bạc đầu

Ba phen cọc gỗ đâm tàu giặc tan?”

Là sông: _____

d. “Tỉnh nào quê Bác kính yêu

Non xanh nước biếc như thêu gấm vàng?”

Là tỉnh: _____

Bài 6. Đọc bài thơ sau:

“Cái trống trường em

Mùa hè cũng nghỉ

Suốt ba tháng liền

Trống nằm ngấm nghỉ.

Buồn không hả trống

Trong những ngày hè

Bọn mình đi vắng

Chỉ còn tiếng ve?

Cái trống lặng im

Nghiêng đầu trên giá

Chắc thấy chúng em

Nó mừng vui quá!

Kìa trống đang gọi:

Tùng! Tùng! Tùng! Tùng!

Vào năm học mới

Giọng vang tung bừng.”

(“Cái trống trường em” – Thanh Hà)

a. Trong bài thơ trên, sự vật nào được nhân hóa? Gạch dưới những từ ngữ thể hiện biện pháp đó.

b. Nêu suy nghĩ của em về hình ảnh cái trống trường trong những ngày hè.

3. Viết hoa tên cơ quan, tổ chức

Viết hoa chữ cái đầu của tiếng đầu tiên và các tiếng đầu của các bộ phận tạo thành.

Ví dụ: “Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam”, “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”, “Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội”,...

4. Viết hoa tên các danh hiệu

Viết hoa chữ cái đầu các tiếng của các bộ phận tạo thành tên riêng và từ chỉ thứ hạng.

Ví dụ: “Huân chương Độc lập hạng Nhất”,...

II. Bài tập

Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước từ ngữ viết đúng quy tắc chính tả:

- | | |
|--------------------------|----------------------|
| a. Nguyễn Nam Phương; | b. Bùi Lê Quỳnh chi; |
| c. Phạm hoàng lan hương; | d. Trần huyển Trang. |

Bài 2. Khoanh vào chữ cái trước từ ngữ viết đúng quy tắc chính tả:

- a. Hội chữ thập đỏ Việt Nam;
b. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
c. Tổ chức y tế thế giới;
d. Văn phòng chính phủ.

Bài 3. Viết tên và địa chỉ của ngôi trường em đang học.

Bài 4. Viết lại những danh hiệu, tên huân chương sau cho đúng chính tả:

a. “cháu ngoan bác hồ”

b. “huân chương lao động hạng ba”

Bài 5. Giải các câu đố sau:

- a. “Vua nào xuống chiếu dời đô
Về Thăng Long vững cơ đồ nước Nam?”
Là vua: _____
- b. “Vua nào đại thắng quân Thanh
Đống Đa lưu dấu sử xanh muôn đời?”
Là vua: _____

PHIẾU CUỐI TUẦN 03

Bài 1. Đọc văn bản sau rồi khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

“Sang học kì mới, cô giáo góp ý với lớp nên lập ra những đôi bạn cùng tiến. Dũng nhìn Minh, nhìn lại bản nhận xét. Ở đó, thật ít lời khen. Dũng biết, Minh đã cố gắng rất nhiều.

Mẹ nói, ngày bé, Minh bị một tai nạn, cánh tay phải của cậu bị ảnh hưởng. Vì vậy, Minh không được nhanh nhẹn như bạn bè.

“Chậm, đâu phải lúc nào cũng không tốt. Nhai chậm để nghiền kĩ thức ăn, đi chậm để tránh những tai nạn đáng tiếc. Bạn chậm thì mình phải giúp bạn để bạn tiến bộ hơn chứ.” – Dũng thầm nghĩ.

Các bạn trong lớp đang nhao nhao chọn bạn cho mình. Dũng gờ tay:

– Em xin được học cùng với bạn Minh.

Không riêng gì Minh, cả lớp lẫn cô giáo đều nhìn Dũng. Dũng nói:

– Mẹ em nói em nhanh ẩu đoảng, làm gì cũng mau mau chóng chóng cho xong. Em mong được bạn Minh giúp em chậm lại.

Cho đến lúc về, đôi lần Dũng thấy Minh đang lén nhìn mình. Đột nhiên cậu ta lên tiếng:

- Cảm ơn cậu.
- Sao cậu lại cảm ơn tớ?
- Vì cậu đã chọn tớ. Tớ cứ nghĩ sẽ không có ai chịu học với tớ.

Dũng cười:

– Tớ phải cảm ơn cậu mới đúng. Vì cậu đã cho tớ cơ hội được giúp đỡ người bạn tớ yêu quý.

Nhìn Minh đỏ mặt, Dũng thấy buồn cười. Chiều nay, Dũng sẽ xin bố bộ cờ vua, nghe nói, Minh rất thích chơi cờ.

(“Chậm và nhanh” – Theo Nguyễn Thị Thanh Bình)

1. Minh là một cậu bé như thế nào?

- a. không nhanh nhẹn b. hiền lành, chăm chỉ c. học giỏi, tốt bụng

2. Khi nghĩ về Minh, Dũng thầm nghĩ điều gì?

- a. Minh chậm chạp như thế sẽ không phù hợp để chọn làm đôi bạn cùng tiến.
b. Chậm đâu phải lúc nào cũng là không tốt, nhai chậm để nghiền kĩ thức ăn, đi chậm để tránh những tai nạn đáng tiếc.
c. Chậm đâu phải lúc nào cũng là không tốt và mình cần giúp đỡ để bạn tiến bộ hơn.

3. Khi các bạn trong lớp đang nhao nhao chọn bạn cho mình, Dũng đã làm gì?

a. Dũng xin cô không phải học cùng với bạn Minh.

b. Dũng xin cô được học cùng với bạn Minh.

c. Dũng xin cô được học một mình.

4. Em rút ra được bài học gì qua câu chuyện trên?

Bài 2. Hãy tạo 5 từ phức với mỗi tiếng sau:

– “bàn”: _____

– “công”: _____

– “nhân”: _____

Bài 3. Đọc đoạn trích sau:

“Tôi chẳng biết làm cách nào. Tôi nắm chặt lấy bàn tay run rẩy kia:

– Ông đừng giận cháu, cháu không có gì để cho ông cả.

Người ăn xin nhìn tôi chăm chăm bằng đôi mắt ướt đẫm. Đôi môi tái nhợt nở nụ cười và tay ông cũng xiết lấy tay tôi:

– Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.”

(Trích “Người ăn xin” – Theo Tuốc-ghe-nhép)

a. Nêu tác dụng của dấu hai chấm trong đoạn trích trên.

b. Chuyển lời kể trực tiếp trong đoạn trích sang lời kể gián tiếp.

c. Qua lời nói và hành động của cậu bé, em có suy nghĩ gì về nhân vật này?

TUẦN 7: TRÊN ĐÔI CÁNH ƯỚC MƠ

TẬP ĐỌC

“Trung thu độc lập” (Thép Mới)

“Ở vương quốc Tương Lai” (Theo Mát-téc-lích)

CHÍNH TẢ

Nhớ – viết

Phân biệt tr/ch, ươn/ương

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Cách viết tên người, tên địa lí Việt Nam

I. Kiến thức

1. Viết hoa tên người

Viết hoa chữ cái đầu của các tiếng.

Ví dụ: Bùi Giang Nam, Nguyễn Minh Kiệt,...

Lưu ý: Tên danh nhân, nhân vật lịch sử được cấu tạo bằng cách kết hợp bộ phận vốn là danh từ chung với bộ phận tên gọi cụ thể cũng được coi là tên riêng và viết hoa theo quy tắc viết hoa tên người.

Ví dụ: “Ông Gióng”, “Bà Trưng”, “Đỗ Chiêu”, “Đề Thám”,...

2. Viết hoa tên địa lí

Viết hoa chữ cái đầu của các tiếng.

Ví dụ: “Đã Nẵng”, “Thừa Thiên – Huế”, “Đồng Nai”, “Bà Rịa – Vũng Tàu”,...

Lưu ý:

– Tên địa lí được cấu tạo từ danh từ chung (tỉnh, huyện, xã,...) với tên riêng của đơn vị hành chính đó: Viết hoa chữ cái đầu của các tiếng tạo thành tên riêng.

Ví dụ: “thành phố Thái Nguyên”, “tỉnh Nam Định”, “huyện Gia Lâm”,...

– Trường hợp viết hoa đặc biệt: “Thủ đô Hà Nội”.

– Tên địa lí được cấu tạo giữa danh từ chung chỉ địa hình (sông, núi, hồ, biển, cửa, bến, cầu, vũng, lạch, vàm,...) với danh từ riêng và danh từ chung trở thành một bộ phận cấu thành tên riêng của địa danh đó thì viết hoa chữ cái đầu của tất cả các tiếng tạo nên địa danh.

Ví dụ: “Cửa Lò”, “Vũng Tàu”, “Vàm Cỏ”, “Cầu Giấy”,...

– Trường hợp danh từ chung chỉ địa hình đi liền với danh từ riêng mà danh từ chung không phải là một bộ phận cấu thành tên riêng của địa danh đó thì không viết hoa danh từ chung mà chỉ viết hoa danh từ làm tên riêng của địa danh đó.

Ví dụ: “biển Cửa Lò”, “chợ Bến Thành”, “sông Vàm Cỏ”, “vịnh Hạ Long”,...

b. Nêu tác dụng của dấu hai chấm trong văn bản trên.

c. Người mẹ trong truyện đã làm gì để thể hiện tình yêu của mình dành cho con? Điều này gợi cho em suy nghĩ gì?

e. Nhân vật tôi đã có thái độ như thế nào với mẹ của mình? Em có đồng tình với thái độ đó không? Vì sao?

Bài 6. Một lần, em chưa làm bài tập về nhà khiến cô giáo buồn. Điều đó làm em rất hối hận. Hãy kể lại câu chuyện đó bằng một đoạn văn từ 7 đến 9 câu.

TUẦN 4: MĂNG MỘC THẲNG

TẬP ĐỌC

“Một người chính trực”

(Theo Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng)

“Tre Việt Nam” (Nguyễn Duy)

CHÍNH TẢ

Nhớ – viết

Phân biệt r/d/gi, ân/âng

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Từ ghép và từ láy

I. Kiến thức

1. Từ ghép

– Từ ghép là từ được tạo ra bằng cách ghép hai hay nhiều tiếng có nghĩa lại với nhau.

Ví dụ: “trong sáng”, “xinh đẹp”, “yêu thương”, “màu xanh”, “hoa sen”,...

– Từ ghép gồm 2 loại: từ ghép tổng hợp, từ ghép phân loại.

+ **Từ ghép tổng hợp:** là từ ghép mà nghĩa của từ bao quát hơn nghĩa của các tiếng cấu tạo nên từ.

Ví dụ: “quần áo”, “sách vở”, “sạch đẹp”, “đi đứng”, “mua bán”,...

+ **Từ ghép phân loại:** là từ ghép chỉ một loại nhỏ thuộc phạm vi nghĩa của tiếng chính.

Ví dụ: “cá chép”, “cá rô”, “xe đạp”, “xe máy”,...

2. Từ láy

– Từ láy là từ được tạo ra bằng cách phối hợp những tiếng có âm đầu hay vần (hoặc cả âm đầu và vần) giống nhau.

Ví dụ: “Thân gầy guộc, lá mong manh

Mà sao nên lữ nên thành tre ơi?”

(Trích “Tre Việt Nam” – Nguyễn Duy)

Trong ví dụ trên, “gầy guộc” và “mong manh” là hai từ láy.

– Có thể phân loại từ láy theo các tiêu chí khác nhau:

+ Dựa vào bộ phận được lặp lại của các tiếng, từ láy được chia thành:

- ✓ **Láy âm đầu:** “đẹp dễ”, “xinh xắn”, “rì rào”, “lắc lư”,...
- ✓ **Láy vần:** “lúng túng”, “lao xao”, “bối rối”, “êm đềm”,...
- ✓ **Láy âm vần:** “nhỏ nhỏ”, “đỏ đỏ”, “nhè nhẹ”,...
- ✓ **Láy toàn bộ** (láy tiếng): “xinh xinh”, “xanh xanh”,...
- ✓ **Láy đặc biệt** (các tiếng đều khuyết âm đầu): “ồn ă”, “âm ỉ”, “oi ả”,...

+ Dựa vào số tiếng, từ láy được chia thành:

- ✓ **Láy đôi:** “ríu rít”, “rung rinh”, “xanh xanh”, “chờn vờn”,...
- ✓ **Láy ba:** “sạch sành sanh”, “dừng dừng dưng”,...
- ✓ **Láy tư:** “ríu ra ríu rít”, “nhăn nhăn nhở nhở”,...

Chú ý: Phân biệt từ láy với những từ có hình thức giống từ láy:

- ✓ Từ ghép: “bờ bãi”, “đi đứng”, “học hành”,...
- ✓ Từ ghép Hán Việt: “công nông”, “nhân dân”, “quân dân”,...
- ✓ Một số từ chỉ sự vật có sự lặp lại về hình thức giữa các tiếng: “chuồn chuồn”, “đu đủ”, “thuồng luồng”, “ba ba”, “cào cào”, “châu chấu”,...

II. Bài tập

Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Dòng nào dưới đây chỉ gồm các từ ghép tổng hợp?

- a. bánh kẹo, đường sữa, ăn ở, xe đạp, dòng sông;
- b. xe máy, đường bộ, tàu hỏa, dưa lê, bát con;
- c. tươi xinh, xinh đẹp, bàn ghế, làng xóm, hình dạng;

2. Dòng nào dưới đây chỉ gồm các từ ghép phân loại?

- a. bánh trái, bánh rán, bánh mì, bánh gạo;
- b. bánh mít, bánh trái, bánh kẹo, bánh quy;
- c. bánh bao, bánh mì, bánh gạo, bánh rán.

3. Dòng nào dưới đây chỉ gồm các từ láy âm đầu?

- a. vui vẻ, xanh xanh, rào rào, róc rách;
- b. râm râm, rộn rã, nhấp nhô, thì thào;
- c. phẳng phất, phấp phới, vòng vo, lành lạnh.

Bài 5. Đọc văn bản sau:

“Suốt thời thơ ấu và cả khi lớn lên, lúc nào tôi cũng ghét mẹ tôi. Lí do chính có lẽ vì bà chỉ có một con mắt. Bà là đầu để để bạn bè trong lớp chế giễu, châm chọc tôi.

Sau đó, tôi lập gia đình, mua nhà và có mấy đứa con. Vợ tôi là con nhà gia thế, tôi giấu nàng về bà mẹ của mình, chỉ nói mình mồ côi từ nhỏ. Tôi hài lòng với cuộc sống, với vợ con và những tiện nghi vật chất tôi có được ở Singapore. Tôi mua cho mẹ một căn nhà nhỏ, thỉnh thoảng lên vợ gửi một ít tiền về biếu bà, tự nhủ thế là đầy đủ bốn phận. Tôi buộc mẹ không được liên hệ gì với tôi.

Một hôm, nhận được một lá thư mời họp mặt của trường cũ gửi đến tận nhà, tôi nói dối vợ là phải đi công tác. Sau buổi họp mặt, tôi ghé qua căn nhà của mẹ, vì tò mò hơn là muốn thăm mẹ. Mấy người hàng xóm nói rằng mẹ tôi đã mất vài ngày trước đó và do không có thân nhân, sở An sinh xã hội đã lo mai táng chu đáo.

Tôi không nhỏ được lấy một giọt nước mắt. Họ trao lại cho tôi một lá thư mẹ tôi để lại:

“Con yêu quý!

Lúc nào mẹ cũng nghĩ đến con. Mẹ xin lỗi về việc đã dám qua Singapore bắt nạt và làm cho các cháu phải sợ hãi. Mẹ rất vui khi nghe nói con sắp về trường tham dự buổi họp mặt, nhưng mẹ sợ mẹ không bước nổi ra khỏi giường để đến đó nhìn con. Mẹ ân hận vì đã làm con xấu hổ với bạn bè trong suốt thời gian con đi học ở đây.

Con biết không, hồi con còn nhỏ xíu, con bị tai nạn và hỏng mất một bên mắt. Mẹ không thể ngồi yên nhìn con lớn lên mà chỉ có một mắt, mẹ đã cho con một bên mắt của mẹ và mẹ đã bán tất cả những gì mẹ có để bác sĩ có thể thay mắt cho con, nhưng chưa bao giờ mẹ hối hận về việc đó. Mẹ rất hạnh diện vì con đã nên người, và mẹ kiêu hãnh vì những gì mẹ đã làm được cho con. Con đã nhìn thấy cả một thế giới bằng con mắt của mẹ, thay cho mẹ.

Mẹ yêu con lắm!

Vĩnh biệt con!

Mẹ...”

(“Mẹ tôi” – Theo “Những hạt giống tâm hồn”)

a. Dùng gạch chéo tách các từ trong câu sau và xếp chúng vào nhóm thích hợp:

“Tôi hài lòng với cuộc sống, với vợ con và những tiện nghi vật chất tôi có được ở Singapore.”

– Từ đơn: _____

– Từ phức: _____

LUYỆN TẬP CHUNG (SỐ 1)

Bài 1. Điền các tiếng chứa dấu hỏi hoặc dấu ngã thích hợp vào chỗ trống:

- a. "Đi _____ về chào";
 b. "Gần nhà xa _____";
 c. "_____ vui nhà, già vui chùa";
 d. "Học hay cày _____";
 e. "Ăn _____ như bát nước đầy";
 f. "Giấy rách phải _____ lấy lề".

Bài 2. Gạch dưới các cặp tiếng bắt vần với nhau trong đoạn thơ sau và cho biết cặp nào có vần giống nhau hoàn toàn, cặp nào có vần giống nhau không hoàn toàn:

"Mọi hôm mẹ thích vui chơi
 Hôm nay mẹ chẳng nói cười được đâu
 Lá trầu khô giữa cối trầu
 Truyện Kiều gấp lại trên đầu bấy nay."

(Trích "Mẹ ốm" – Trần Đăng Khoa)

Bài 3. Đọc đoạn thơ trong bài "Tre Việt Nam" của Nguyễn Duy:

"Thân gầy guộc, lá mong manh
 Mà sao nên lũy nên thành tre ơi?
 Ở đâu tre cũng xanh tươi
 Cho dù đất sỏi đất vôi bạc màu?"

- a. Dùng gạch chéo (/) tách các từ đơn, từ phức có trong đoạn thơ trên.
 b. Xếp các từ phức trong đoạn vào 3 nhóm: từ ghép tổng hợp, từ ghép phân loại, từ láy.

Bài 4. Trong bài "Sáng tháng năm", Tố Hữu viết:

"Người là Cha, là Bác, là Anh
 Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ."

Tại sao các từ "Cha", "Bác", "Anh" trong dòng thơ đầu được viết hoa?

Bài 2. Gạch dưới từ không cùng nhóm với các từ còn lại:

- a. vui chơi, vui vẻ, vui tính, vui lòng;
 b. trắng trẻo, trắng toát, trắng tinh, trắng muốt;
 c. nhà sàn, nhà cửa, cửa sổ, nền nhà;
 d. hồi hải, hò hét, lo lắng, mơ màng.

Bài 3. Tạo 5 từ phức với mỗi tiếng sau:

- a. "đau": _____
 b. "văn": _____
 c. "học": _____

Bài 4. Xếp các từ sau vào bảng thích hợp:

"học tập", "học hành", "học đòi", "học vẹt", "anh cả", "anh em", "anh trai", "anh rể",
 "bạn học", "bạn đời", "bạn đọc", "bạn đường", "vui chơi", "vui tính", "vui lòng"

Từ ghép phân loại	_____

Từ ghép tổng hợp	_____

Bài 5. Với mỗi tiếng sau, tạo một từ ghép và một từ láy (theo mẫu):

Tiếng	Từ ghép	Từ láy
đẹp	xinh đẹp	đẹp dễ
xanh		
tươi		
nhỏ		
đỏ		

Bài 6. Điền các từ sau vào bảng cho thích hợp:

"xinh xắn", "tươi vui", "xinh tươi", "xinh đẹp", "nhỏ nhỏ", "nhanh nhẩu",
 "mơ mộng", "mong muốn", "đứng đắn", "ra vào", "ra rả",
 "rung rinh", "lạnh lạnh", "phổ phưởng"

Từ láy	Từ ghép

Bài 7. Gạch dưới các từ láy trong những đoạn trích dưới đây:

- a. “Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.”

(Trích “Truyện Kiều” – Nguyễn Du)

- b. “Biển luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng thẳm xanh, như dâng cao lên, chắt nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt, nặng nề. Trời ẩm ảm đông gió, biển đục ngầu, giận dữ...”

(Trích “Biển đẹp” – Vũ Tú Nam)

- c. “Sông La ơi sông La Gõ lượn đàn thông thả
Trong veo như ánh mắt Như bầy trâu lim dim
Bờ tre xanh im mát Đắm mình trong êm ả
Mơnon mướt đôi hàng mi Sóng long lanh vẩy cá
Bè đi chiều thắm thì Chim hót trên bờ đề.”

(Trích “Bè xuôi sông La” – Vũ Duy Thông)

Bài 8. Tìm hai từ phức trái nghĩa với mỗi từ sau:

- a. “rộng”: _____
b. “gầy”: _____
c. “tối”: _____

Bài 2. Gạch dưới các danh từ dùng để gọi Bác Hồ có trong đoạn thơ sau và nêu ý nghĩa của cách dùng các danh từ đó:

“Mình về với Bác đường xuôi
Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người.
Nhớ Ông Cụ mắt sáng ngời,
Áo nâu, túi vải đẹp tươi lạ thường.”
(Trích “Việt Bắc” – Tố Hữu)

Bài 3. Tưởng tượng và viết đoạn văn kể lại phần kết câu chuyện “Bài học về lòng trung thực” trong bài 1.

PHIẾU CUỐI TUẦN 06

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

“Ngày nọ, ông lão ăn xin gõ cửa một lâu đài tráng lệ. Ông nói với người quản gia: “Vì tình yêu của Chúa, xin hãy bố thí cho kẻ nghèo này”. Người quản gia trả lời: “Tôi phải hỏi ý kiến của bà chủ đã”. Bà chủ là một quý bà keo kiệt. Bà nói: “Hãy cho ông ta một ổ bánh mì. Một thôi nhé. Đưa bánh ngày hôm qua ấy”.

[...] Ông lôi ổ bánh mì vừa xin được ra ăn. Đột nhiên, răng ông cắn phải vật gì đó rất cứng. Ông lão hết sức ngạc nhiên khi phát hiện ra chiếc nhẫn vàng nạm kim cương mặt ngọc trai. “Minh thật may mắn!”, ông lão nghĩ thầm. “Minh bán chiếc nhẫn này đi và sẽ có đủ tiền trong một thời gian dài”. Thế nhưng, lòng trung thực của ông lão ngay lập tức ngăn ý định đó lại: “Không, ta sẽ tìm chủ nhân của chiếc nhẫn và trả nó lại cho họ”.

(“Bài học về lòng trung thực” – Sư tử tâm)

1. Khi tới gõ cửa một lâu đài tráng lệ, ông lão ăn xin được cho thứ gì?

- a. một ổ bánh mì;
- b. vài ổ bánh mì;
- c. một chiếc nhẫn vàng nạm kim cương mặt ngọc trai.

2. Bà chủ của tòa lâu đài tráng lệ là người như thế nào?

- a. keo kiệt
- b. hào phóng
- c. dũng cảm

3. Khi phát hiện chiếc nhẫn vàng nạm kim cương mặt ngọc trai, ông lão đã làm gì?

- a. bán chiếc nhẫn đó;
- b. tìm chủ nhân của chiếc nhẫn và trả lại;
- c. cả hai đáp án a và b.

4. Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?

TẬP LÀM VĂN

Cốt truyện

I. Kiến thức

Cốt truyện là một chuỗi sự việc làm nòng cốt cho diễn biến của câu chuyện. Cốt truyện thường có ba phần:

- **Mở đầu:** Giới thiệu câu chuyện được kể: Kể về ai? Xảy ra ở đâu, vào thời điểm nào...?
- **Diễn biến:** Câu chuyện diễn ra như thế nào, có những tình tiết, sự kiện gì quan trọng? Các nhân vật trong truyện hành động ra sao?
- **Kết thúc:** Câu chuyện kết thúc như thế nào? Kết thúc đó có gây bất ngờ cho người đọc, người nghe hay không?

Ví dụ: “Câu chuyện Ông Trạng thả diều” có cốt truyện như sau:

- **Mở đầu:** Đời vua Trần Thái Tông, có một gia đình nghèo sinh được cậu con trai đặt tên là Nguyễn Hiền. Cậu bé rất ham thả diều.
- **Diễn biến:**
 - + Sáu tuổi, cậu theo học một ông thầy trong làng. Cậu bé rất thông minh sáng dạ, học đến đâu là hiểu ngay đến đấy.
 - + Sau vì nhà nghèo nên cậu phải nghỉ học. Cậu mượn vở bạn để học, học mọi lúc mọi nơi.
 - + Ngoài giờ học, giờ làm, cậu bé còn đi thả diều.
 - + Mỗi lần có kì thi, cậu làm bài vào lá chuối khô rồi nhờ bạn xin thầy chấm hộ. Bài của cậu hơn hẳn các học trò của thầy.
- **Kết thúc:** Vua mở khoa thi, cậu bé thả diều thi đỗ Trạng nguyên. Ông Trạng khi ấy mới 13 tuổi. Đó là ông Trạng trẻ nhất của nước Nam ta.

II. Bài tập

Bài 1. Truyện “Sự tích hoa Bìm Bìm” bao gồm các sự việc chính sau:

- (1) Hoa Bìm Bìm trả lời đúng câu đố nên được nàng tiên tặng cho bảy viên ngọc màu.
- (2) Bìm Bìm mang tặng nốt viên ngọc màu tím cuối cùng cho các bạn hoa cùng loài để bạn nào cũng được khoác chiếc áo màu tím.

(3) Một nàng tiên xinh đẹp và hiền dịu sống trên chiếc cầu vồng nhiều màu sắc đã ra một câu đố cho muôn loài về màu sắc của cầu vồng.

(4) Bìm Bìm mang tặng những viên ngọc ấy cho các bạn của mình: màu đỏ cho Sếu, màu cam cho những quả cam, màu vàng cho hoa mướp, màu lục cho chị Liễu, màu lam cho Trời và màu chàm cho Núi.

(5) Bìm Bìm được nàng tiên khen ngợi là tốt bụng, có tấm lòng thơm thảo và đã ban tặng cho loài Bìm Bìm sức sống mạnh mẽ.

Sắp xếp thứ tự các sự việc trên để tạo thành cốt truyện.

Bài 2. Đọc câu chuyện sau:

Sự tích hạt lúa

“Ngày xưa, có một người đàn bà nghèo. Chồng chết sớm, bà ở vậy nuôi đứa con trai duy nhất.

Điều đáng buồn là cậu con trai càng được cưng chiều càng đâm ra hư hỏng, bất hiếu và không nghe lời mẹ. Bởi vì nhà nghèo, không đủ miếng ăn, người đàn bà cực nhọc trồng ngô, nuôi gà. Có bắp ngô nào đủ lớn, bà luộc rồi đưa cả cho con ăn, phần mình ăn chỗ thừa còn lại. Làm con gà nào, bà cũng để cho con ăn no nê xong, rồi bà kín đáo bòn mót đồng xương vụn. Nhưng cậu con trai không thấy điều đó. Cậu không thương mẹ, lại còn hỗn xược và ham chơi nữa.

Một ngày kia, người mẹ lâm bệnh nặng. Biết mình sắp chết, bà lo lắng gọi đứa con trai lại, khuyên nhủ rằng:

– Ngày mẹ chết, con sẽ thấy ở chỗ mẹ nằm có một loại hạt nhỏ. Con hãy bỏ vào trong chậu đất, đổ nước vào rồi khuấy đến hoàng cung, sẽ đổi được rất nhiều vàng bạc.

Ngày mẹ chết, cậu con trai tìm được trên gối nằm một loại hạt nhỏ bằng đầu ngón tay. Lòng tham nổi lên, cậu liền làm theo lời mẹ dặn, bỏ hạt vào một chiếc chậu nhỏ, rưới nước vào rồi bỏ lên lưng quấy về phía hoàng cung.

Đường đến hoàng cung rất xa, phải mất cả sáu, bảy tháng đi đường. Cậu con trai mệt mỏi, tiền hết, lương thực cạn dần. Cậu bắt đầu phải xin ăn từng bữa và khó khăn lắm mới xin được chỗ ngủ qua đêm. Cậu dần dần nhận ra được công lao của mẹ đã cực nhọc nuôi nấng mình bấy lâu. Cậu hối hận vì đã đối xử tệ bạc với mẹ.

Tới hoàng cung, lúc bỏ cái chậu trên lưng xuống, cậu ngạc nhiên vì thấy tự lúc nào, trên lưng cậu có một nhánh cỏ trĩu những hạt nhỏ màu vàng xinh xắn, mùi thơm

TẬP LÀM VĂN

Kể chuyện đã nghe, đã đọc

Luyện tập xây dựng đoạn văn

Dưới đây là các sự việc chính trong bài “Những hạt thóc giống”:

(1) Ngày xưa, có một ông vua cao tuổi muốn tìm người nối ngôi. Nhà vua ra điều kiện để chọn người nối ngôi.

(2) Cách làm của nhà vua để tìm được người nổi ngời.

(3) Hành động của cậu bé Chôm.

(4) Nhà vua chọn được người để truyền ngôi.

a. Sắp xếp các sự việc trên theo trình tự hợp lí.

b. Hãy phát triển mỗi sự việc thành một đoạn văn kể chuyện bằng lời văn của em.

b. “Nguyễn Tri Phương là người thừa thiên. Hoàng Diệu quê ở Quảng Nam. Cả hai ông đều không phải là người Hà Nội. Nhưng các ông đã anh dũng hi sinh bảo vệ thành Hà Nội trong hai cuộc chiến đấu giữ thành năm 1873 và 1882.”

Bài 6. Viết lại cho đúng các danh từ riêng trong đoạn thơ sau:

“Muối thái bình ngược Hà Giang
Cày bừa đồng xuất, mía đường tỉnh Thanh
Ai về mua vại hương Canh
Ai lên mình gửi cho anh với Nàng
Chiếu Nga Sơn, gạch Bát Tràng
Vải tơ Nam Định, lụa hàng Hà Đông...”

(Trích “Việt Bắc” – Tố Hữu)

Bài 7. Đọc đoạn thơ sau:

“Nòi tre đâu chịu mọc cong
Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường.
Lưng trần phơi nắng phơi sương
Có manh áo cộc, tre nhường cho con.”

(“Tre Việt Nam” – Nguyễn Duy)

a. Gạch dưới các danh từ trong đoạn thơ trên.

b. Đoạn thơ sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào?

c. Nêu cảm nhận của em về hình ảnh cây tre trong đoạn thơ.

thoang thoảng, nấu lên ăn thật bù. Cậu con trai nhớ thương mẹ, bèn thôi không đem hạt vào cung nữa, mà mang giống hạt ấy về trồng rồi phân phát cho mọi người cũng trồng nữa. Ấy là hạt lúa – chính là hạt gạo mà chúng ta ăn hằng ngày.”

(Theo Truyện cổ tích)

a. Nêu những sự việc tạo thành cốt truyện “Sự tích hạt lúa”.

b. Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện trên?

Bài 3. Kể lại một câu chuyện đã được đọc, được nghe bằng lời văn của em.

PHIẾU CUỐI TUẦN 04

Bài 1. Đọc văn bản sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

“Một hôm, vừa bước ra khỏi nhà, tôi gặp một cậu bé chừng mười hai, mười ba tuổi, ăn mặc tối tăm, rách rưới, mặt mũi gầy gò, xanh xao, chìa những bao diêm khẩn khoản nhờ tôi mua giúp. Tôi mở ví tiền ra và chép miệng:

- Rất tiếc là tôi không có xu lẻ.
- Không sao ạ. Ông cứ đưa cho cháu một đồng vàng. Cháu chạy đến hiệu buôn đổi rồi quay lại trả ông ngay.

Tôi nhìn cậu bé và lưỡng lự.

- Thật chứ?
- Thưa ông, cháu không phải là một đứa bé xấu.

Nét mặt của cậu bé cương trực và tự hào tới mức tôi tin và giao cho cậu một đồng tiền vàng.

Vài giờ sau, trở về nhà, tôi ngạc nhiên thấy một cậu bé đang đợi mình, diện mạo rất giống cậu bé nợ tiền tôi, nhưng nhỏ hơn vài tuổi, gầy gò, xanh xao hơn và thoáng một nỗi buồn:

- Thưa ông, có phải ông vừa đưa cho anh Rô-be cháu một đồng tiền vàng không ạ?

Tôi khẽ gật đầu. Cậu bé tiếp:

- Thưa ông, đây là tiền thừa của ông. Anh Rô-be sai cháu mang đến. Anh cháu không thể mang trả ông được vì bị xe tông vô, gãy chân, đang phải nằm ở nhà.

Tim tôi se lại. Tôi đã thấy một tâm hồn đẹp trong cậu bé nghèo.”

(Theo “Truyện khuyết danh nước Anh”)

1. Cậu bé Rô-be làm công việc gì?

- a. bán báo b. đánh giày c. bán diêm

2. Ngoại hình của cậu bé Rô-be được miêu tả như thế nào?

- a. khô ngô nhưng ăn mặc rách rưới
b. ăn mặc tối tăm, rách rưới, mặt mũi gầy gò, xanh xao
c. mặt mũi trắng trẻo, ăn mặc rách rưới, gầy gò

3. Cậu bé Rô-be định làm gì khi người mua diêm đưa cậu một đồng tiền vàng?

- a. mang đến hiệu buôn đổi rồi nhờ em trai trả lại
b. mang về nhà và không trả lại
c. mang đến hiệu buôn đổi rồi quay lại trả

Bài 2. Tìm các từ ghép có tiếng “tự” nói về tính cách, phẩm chất của con người theo yêu cầu sau:

a. Chỉ phẩm chất tốt đẹp: _____

b. Chỉ tính xấu: _____

Bài 3. Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống:

“tự giác”, “tự trọng”, “tự lập”, “tự chủ”, “tự lực”

- a. “Bố mẹ mất sớm, anh Kiên sống _____ từ bé.”
b. “Bác Mai giận quá, mất bình tĩnh, không còn _____ được nữa.”
c. “Cứ bảy giờ tối, bé Linh lại _____ ngồi vào bàn học bài không để phải nhắc nhở.”
d. “Cô giáo khuyên chúng tôi phải chịu khó suy nghĩ, _____ làm bài.”
e. “Hiệp luôn được cô giáo khen là một học sinh có lòng _____.”

Bài 4. Gạch dưới các danh từ có trong đoạn văn sau rồi xếp thành hai nhóm (danh từ chung, danh từ riêng) cho phù hợp:

- a. “Nước Việt Nam xanh muôn ngàn cây lá khác nhau. Cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quý nhưng thân thuộc nhất vẫn là tre nứa. Tre Đồng Nai, nứa Việt Bắc, tre ngút ngàn Điện Biên Phủ. Lũy tre thân mật làng tôi, đâu đâu ta cũng có nứa tre làm bạn.”

(Trích “Cây tre Việt Nam” – Thép Mới)

- b. “Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.
Mịt mù khói tỏa ngàn sương,
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.”

Bài 5. Gạch dưới các từ viết chưa đúng quy tắc trong những câu sau và sửa lại:

- a. “Tương truyền vào thời vua lê – chúa trịnh có ông trạng quỳnh là người rất thông minh.”

TUẦN 6: MĂNG MỘC THẰNG

TẬP ĐỌC

“Nỗi dằn vặt của An-đrây-ca” (Theo Xu-khôm-lin-xki)

“Chị em tôi” (Theo Liên Hương)

CHÍNH TẢ

Nghe – viết

Phân biệt s/x, dấu hỏi / dấu ngã

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Mở rộng vốn từ “Trung thực – Tự trọng”

Danh từ

I. Kiến thức

1. Danh từ chung

Danh từ chung là từ chỉ tên của một loại sự vật.

- Tên người: thầy giáo, bác sĩ, ông bà, anh trai, chị gái,...
- Tên con vật: chó, mèo, ngan, gà, cá,...
- Tên đồ vật: bàn, ghế, nhà, cửa,...
- Tên cây cối: cam, quýt, nhãn, na, hoa, cỏ,...
- Tên hiện tượng: mây, gió, mưa, nắng, bão, lũ,...
- Tên khái niệm: nghệ thuật, đạo đức, cuộc sống,...
- Tên đơn vị: con, cái, chiếc, chùm, rặng,...

2. Danh từ riêng

Danh từ riêng là từ chỉ tên riêng của một sự vật. Danh từ riêng được viết hoa.

- Tên người: Lê Thái Tổ, Lê-nin, Mao Trạch Đông, Pu-skin, Na-ta-li-a,...
- Tên địa lí: Hà Nội, Đà Lạt, Nha Trang, Hàn Quốc, Thụy Sĩ,...

II. Bài tập

Bài 1. Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa của từ “ngay thẳng”?

- a. Mọi thứ được sắp xếp ngay ngắn, thẳng hàng.
- b. Không gian đối, lừa đảo người khác.
- c. Chân thật và thẳng thắn, theo đúng lẽ phải, không gian dối, không thiên vị.

4. Vì sao Rô-be không quay lại ngay để trả tiền thừa cho người mua diêm?

- a. Vì Rô-be không muốn trả lại tiền.
- b. Vì Rô-be không đổi được tiền lẻ.
- c. Vì Rô-be bị xe tông, gãy chân.

5. Em thấy cậu bé Rô-be là người như thế nào?

- a. Rô-be là một cậu bé thật thà và có lòng tự trọng.
- b. Rô-be là một cậu bé mạnh mẽ, dũng cảm.
- c. Rô-be là một cậu bé có tấm lòng nhân hậu.

6. Thành ngữ, tục ngữ nào dưới đây đúng với điều cậu bé Rô-be đã nghĩ, đã làm?

- a. Thẳng như ruột ngựa.
- b. Đối cho sạch, rách cho thơm.
- c. Cây ngay không sợ chết đứng.

Bài 2. Điền tiếng thích hợp vào chỗ trống để tạo từ ghép có nghĩa tương ứng:

- a. Nhà _____ : nhà làm lung chùng trên các cột, cách mặt đất hay mặt nước một khoảng, thường thấy ở vùng miền núi hoặc sông nước.
- b. Mực _____ : trẻ chăn trâu, bò.
- c. Mê _____ : làm cho mất tỉnh táo, mất sáng suốt, mù quáng tin theo.
- d. Mong _____ : mong một cách tha thiết, kéo dài.

Bài 3. Xếp các từ sau vào nhóm thích hợp trong bảng:

“ngoan ngoãn”, “thật thà”, “nhỏ nhẹ”, “bạn bè”, “bạn đường”, “chăm chỉ”,
“gần bó”, “giúp đỡ”, “bạn học”, “khó khăn”, “học hỏi”, “bao bọc”

Từ ghép		Từ láy
Từ ghép tổng hợp	Từ ghép phân loại	
_____	_____	_____
_____	_____	_____
_____	_____	_____

Bài 4. Tạo các từ ghép và từ láy theo yêu cầu với mỗi tiếng đã cho:

Tiếng	Từ ghép (2 từ)	Từ láy (2 từ)
nhanh		
xấu		
xa		

TUẦN 5: MĂNG MỘC THẲNG

TẬP ĐỌC

“Những hạt thóc giống” (Truyện dân gian Khmer)

“Gà Trống và Cáo” (La Phong-ten)

CHÍNH TẢ

Nghe – viết

Phân biệt l/n, en/eng

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Mở rộng vốn từ “Trung thực – Tự trọng”

Danh từ

I. Kiến thức

Danh từ là những từ chỉ sự vật (người, vật), hiện tượng, khái niệm hoặc đơn vị.

Ví dụ: “học sinh”, “ mái trường”, “cuộc sống”, “đám mây”, “cơn gió”,...

II. Bài tập

Bài 1. Nối từ ở cột A với lời giải nghĩa thích hợp ở cột B:

A	B
1. trung thực	a. tin vào bản thân mình
2. tự trọng	b. ngay thẳng và thật thà
3. tự tin	c. coi trọng và giữ gìn phẩm giá của mình

Bài 2. Tìm các từ thuộc chủ đề “trung thực”:

a. Từ có chứa tiếng “thật”:

b. Từ có chứa tiếng “thẳng”:

Bài 3. Điền từ thích hợp để có các thành ngữ nói về đức tính trung thực, thật thà:

- a. Thật như _____;
- b. Ruột để ngoài _____;
- c. Ăn ngay nói _____;
- d. Thẳng như _____.

Bài 2. Gạch dưới các danh từ có trong đoạn thơ sau và xếp vào nhóm thích hợp:

“Quê hương là cầu tre nhỏ
Mẹ về nón lá nghiêng che
Quê hương là đêm trăng tỏ
Hoa cau rụng trắng ngoài hè.

Quê hương mỗi người chỉ một
Như là chỉ một mẹ thôi
Quê hương nếu ai không nhớ
Sẽ không lớn nổi thành người.”
(Trích “Quê hương” – Đỗ Trung Quân)

- Danh từ chỉ người:
-
- Danh từ chỉ vật:
-
- Danh từ chỉ khái niệm:
-

Bài 3. Viết một đoạn văn từ 8 đến 10 câu kể về một người có lòng trung thực.

PHIẾU CUỐI TUẦN 05

Bài 1. Đọc câu chuyện sau rồi khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

“Vào một buổi chiều thứ bảy, tôi cùng anh bạn và hai đứa con của anh đến rạp xem xiếc. Bạn tôi tiến đến quầy vé và hỏi: “Vé vào cửa là bao nhiêu hả chị? Bán cho tôi bốn vé”.

Người bán vé trả lời: “Một trăm ngàn đồng một vé cho người lớn và trẻ em trên sáu tuổi. Trẻ em từ sáu tuổi trở xuống được vào cửa miễn phí. Các cậu bé này bao nhiêu tuổi?”.

– Đứa lớn bảy tuổi và đứa nhỏ lên bốn. Bạn tôi trả lời. – Như vậy tôi phải trả tất cả là ba trăm ngàn phải không?

Người bán vé ngạc nhiên nhìn bạn tôi và nói: “Lẽ ra anh đã tiết kiệm cho mình được một trăm ngàn, nếu anh nói rằng đứa lớn chỉ mới sáu tuổi. Nó cũng hơi nhỏ mà.”

Bạn tôi từ tốn đáp lại: “Tôi có thể nói như vậy và chị cũng sẽ không biết được. Nhưng bọn trẻ thì biết đấy. Tôi không muốn mất đi sự kính trọng của bọn trẻ đối với tôi.”

(Theo “Hạt giống tâm hồn”)

1. Rạp xiếc miễn phí vé cho trẻ em ở độ tuổi nào?

a. bảy tuổi trở xuống b. sáu tuổi trở xuống c. bốn tuổi trở xuống

2. Người bạn của tác giả đã trả tiền vé cho những ai?

a. cho mình, cho bạn và cho cậu bé bảy tuổi
b. cho mình, cho cậu bé bảy tuổi và cậu bé bốn tuổi
c. cho mình, cho bạn và cho cậu bé bốn tuổi

3. Người bạn của tác giả có thể tiết kiệm được một trăm ngàn đồng bằng cách nào?

a. nói dối rằng cả hai đứa còn rất nhỏ
b. nói dối rằng cậu bé lớn chỉ mới sáu tuổi
c. nói dối rằng cậu bé lớn chỉ mới năm tuổi

4. Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?

Bài 4. Giải thích ý nghĩa của các câu tục ngữ, thành ngữ sau:

a. “Cây ngay không sợ chết đứng.”

b. “Thẳng như ruột ngựa.”

Bài 5. Đọc đoạn văn sau:

“Mùa thu mới chớm nhưng nước đã trong vắt, trông thấy cả hòn cuội trắng tinh nằm dưới đáy. Nhìn hai bên bờ sông, cỏ cây và những làng gần, núi xa luôn luôn mới.”

(Trích “Dế Mèn phiêu lưu kí” – Theo Tô Hoài)

a. Gạch dưới các danh từ trong đoạn văn trên.

b. Đặt câu với các từ: “mùa thu”, “cỏ cây”.

Bài 6. Tìm các danh từ chỉ hiện tượng thiên nhiên thích hợp điền vào chỗ trống:

a. Trận _____ làm nhà cửa rung lắc, khiến mọi người vô cùng hoảng sợ.

b. Mây đen kéo đến, _____ thổi từng cơn lạnh buốt.

c. Mưa xối nước được một lúc lâu thì bỗng trong vòm trời tối thẫm vang lên một hồi ục ục ì ầm. Đó là tiếng _____ đầu mùa.

d. _____ ở miền Trung làm nhiều căn nhà bị ngập, hoa màu bị hư hại.

Bài 7. Điền danh từ thích hợp vào chỗ trống trong đoạn trích sau:

(tổ tiên, phẩm chất, quá khứ, lịch sử, truyền thống)

“Tôi đã có dịp đi nhiều miền đất nước, nhìn thấy tận mắt bao nhiêu dấu tích của _____ để lại, từ nắm tro bếp của thuở các vua Hùng dựng nước, mũi tên đồng Cổ Loa, [...] cả đến chiếc hốt đại thần của Phan Thanh Giản... Ý thức cội nguồn, chân lí _____ và lòng biết ơn tổ tiên truyền đạt qua những di tích, di vật nhìn thấy được là một niềm hạnh phúc vô hạn nuôi dưỡng những _____ cao quý nơi mỗi con người. Tất cả những di tích này của _____ đều xuất phát từ những sự

kiện có ý nghĩa diễn ra trong _____, vẫn tiếp tục nuôi dưỡng đạo sống của những thế hệ mai sau.”

(Theo Hoàng Phủ Ngọc Tường)

Bài 8. Đọc đoạn thơ:

“Đời cha ông với đời tôi
Như con sông với chân trời đã xa
Chỉ còn truyện cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình.”

(Trích “Truyện cổ nước mình” – Lâm Thị Mỹ Dạ)

a. Đoạn thơ trên sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Gạch dưới từ ngữ thể hiện biện pháp đó.

b. Đọc đoạn thơ trên, em hiểu được điều gì về ý nghĩa của những câu chuyện cổ?

TẬP LÀM VĂN

Kể chuyện đã nghe, đã đọc

Đoạn văn trong bài văn kể chuyện

I. Kiến thức

- Một câu chuyện có thể gồm nhiều sự việc.
- Mỗi sự việc thường được kể bằng một đoạn văn.

II. Bài tập

Đọc câu chuyện sau và trả lời câu hỏi:

“Vào một buổi học, thầy giáo chúng tôi mang vào lớp rất nhiều túi nhựa và một bao khoai tây thật to. Thầy chậm rãi giải thích rằng, mỗi khi cảm thấy oán giận hoặc không muốn tha thứ lỗi lầm cho ai, hãy viết tên người mình không ưa hay ghét hận lên củ khoai tây rồi cho vào túi. Chỉ một lúc sau, chiếc túi nào của chúng tôi cũng căng nặng, đầy khoai tây. Thậm chí, có người một túi không chứa hết khoai, phải thêm một túi nhỏ kèm theo.

Sau đó, thầy yêu cầu chúng tôi hãy mang theo bên mình túi khoai tây đó bất cứ nơi đâu và bất cứ lúc nào trong thời gian một tuần lễ. Đến lớp thì mang vào chỗ ngồi, về nhà thì mang tận vào giường ngủ, thậm chí khi vui chơi cùng bạn bè cũng phải đem theo.

Chỉ sau một thời gian ngắn, chúng tôi đã bắt đầu cảm thấy mệt mỏi và phiền toái vì lúc nào cũng có một túi khoai tây nặng kè kè bên cạnh. Tình trạng này còn tồi tệ hơn nữa khi những củ khoai tây bắt đầu thối rữa, rỉ nước. Cuối cùng, chúng tôi quyết định xin thầy cho quăng hết số khoai tây ấy đi và cảm thấy thật nhẹ nhàn, thoải mái trong lòng.

Lúc ấy, thầy giáo của chúng tôi mới từ tốn nói: “Các em thấy không, lòng oán giận hay thù ghét người khác đã làm chúng ta thật nặng nề và khổ sở! Càng oán ghét và không tha thứ cho người khác, ta càng giữ lấy gánh nặng khó chịu ấy mãi trong lòng. Lòng vị tha, sự cảm thông với những lỗi lầm của người khác không chỉ là món quà quý giá để ta trao tặng mọi người, mà đó còn là một món quà tốt đẹp mỗi chúng ta dành tặng bản thân mình.”

(“Câu chuyện về túi khoai tây” – Sư tử tâm)

a. Câu chuyện trên gồm có mấy đoạn? Nêu ý chính của từng đoạn.

b. Để giúp các bạn nhỏ học cách tha thứ và bỏ qua thù ghét, người thầy đã làm như thế nào?

c. Câu chuyện trên cho chúng ta bài học gì?
